

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Trần Thị Hải My

ĐỀ TÀI: ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ
TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH: KINH TẾ ĐẦU TƯ

Hà Nội - 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Trần Thị Hải My

ĐỀ TÀI: ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ
TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGÀNH: KINH TẾ ĐẦU TƯ

MÃ SỐ: 8310104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN THỊ THƯƠNG

Hà Nội – 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2024

Học viên

Trần Thị Hải My

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề án tốt nghiệp thạc sĩ này, cùng với những nỗ lực của bản thân, tôi đã nhận được sự động viên, giúp đỡ của thầy cô, gia đình và đồng nghiệp.

Đầu tiên, tôi xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Nguyễn Thị Thương – Giảng viên Khoa Kinh tế Đầu tư trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Cô đã tận tình chỉ bảo và hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành bài đề án tốt nghiệp ngành Kinh tế Đầu tư. Cô đã dành cho tôi nhiều thời gian, tâm sức, cho tôi nhiều ý kiến, nhận xét quý báu, chỉnh sửa cho tôi những chi tiết nhỏ trong đề án, giúp đề án của tôi được hoàn thiện hơn về mặt nội dung và hình thức.

Xin chân thành cảm ơn thầy cô giáo của Khoa sau Đại học trường Đại học Kinh tế Quốc dân và toàn bộ các giảng viên của Khoa Kinh tế Đầu tư đã giúp tôi có thêm kiến thức, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành đề án tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

PHẦN MỞ ĐẦU1

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG
KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CHỨNG
KHOÁN5

1.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự
doanh tại công ty chứng khoán5

1.1.1. Khái niệm.....5

1.1.2. Đặc điểm.....5

1.2. Quy trình thực hiện đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại
công ty chứng khoán6

1.3. Vốn và nguồn vốn cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh
tại công ty chứng khoán.....8

1.3.1. Vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh.....8

1.3.2. Nguồn vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh.....8

1.4. Nội dung hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại
công ty chứng khoán9

1.5. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư chứng khoán
thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán9

1.5.1. Các chỉ tiêu kết quả.....9

1.5.2. Các chỉ tiêu hiệu quả.....11

1.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp
vụ tự doanh tại công ty chứng khoán12

1.6.1. Các nhân tố chủ quan.....12

1.6.2. Các nhân tố khách quan	13
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2019-2023	15
2.1. Tổng quan về Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	15
2.1.1. Thông tin chung về Công ty	15
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	15
2.1.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.....	17
2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty	17
2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019-2023	18
2.2. Thực trạng hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam giai đoạn 2019- 2023	20
2.2.1. Quy trình thực hiện đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty.....	20
2.2.2. Vốn và nguồn vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023	39
2.2.3. Nội dung đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023	41
2.2.4. Công tác quản lý hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023.....	47
2.3. Đánh giá chung về hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023	48
2.3.1. Kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019 – 2023	48
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh giai đoạn 2019-2023	56
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	58

3.1. Định hướng phát triển hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Thương Việt Nam đến năm 2030	58
3.1.1. Định hướng phát triển chung của Công ty.....	58
3.1.2. Định hướng phát triển hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty.....	59
3.2. Phân tích hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Thương Việt Nam theo mô hình SWOT	61
3.3. Giải pháp hoàn thiện hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	62
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện quy trình thực hiện đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh	62
3.3.2. Giải pháp tăng cường vốn cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh.....	63
3.3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	65
3.3.4. Giải pháp tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh.....	67
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	69

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	UBCK	Ủy ban chứng khoán
2	CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
3	TTCK	Thị trường chứng khoán
4	HĐQT	Hội đồng quản trị
5	UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
6	CK	Chứng khoán
7	CTCP	Công ty cổ phần
8	CTCK	Công ty chứng khoán
9	PAKD	Phương án kinh doanh
10	TGD	Tổng giám đốc
11	HĐĐT	Hội đồng đầu tư
12	TCPH	Tổ chức phát hành

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Phân tích cơ bản Cổ phiếu DBC của Công ty.....	23
Bảng 2.2. Dự phóng kết quả hoạt động của DBC 2021 – 2026	24
Bảng 2.3. Định giá Cổ phiếu bằng phương pháp DCF - FCFE.....	25
Bảng 2.4. Kết quả định giá cổ phiếu DBC	25
Bảng 2.5. Vùng giá mua theo phân tích kỹ thuật cổ phiếu DBC	27
Bảng 2.6. Phê duyệt phương án kinh doanh đầu tư cổ phiếu/CCQ chưa niêm yết của CTS	33
Bảng 2.7. Thực hiện phương án kinh doanh đầu tư cổ phiếu/CCQ chưa niêm yết của CTS.....	34
Bảng 2.8. Báo cáo và lưu hồ sơ đầu tư cổ phiếu/CCQ chưa niêm yết của CTS	35
Bảng 2.9: Vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023	39
Bảng 2.10: Nguồn vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty giai đoạn 2019-2023	40
Bảng 2.11: Vốn đầu tư vào cổ phiếu tại Công ty giai đoạn 2019-2023	41
Bảng 2.12: Tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư vào cổ phiếu của Công ty giai đoạn 2019-2023	41
Bảng 2.13. Danh mục đầu tư Cổ phiếu tiêu biểu của Công ty giai đoạn 2019-2023 ..	43
Bảng 2.14: Vốn đầu tư vào trái phiếu tại Công ty giai đoạn 2019-2023.....	45
Bảng 2.15: Tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư vào trái phiếu tại Công ty	45
Bảng 2.16. Danh mục đầu tư Trái phiếu chưa niêm yết của Công ty tính đến ngày 31/12/2023	46
Bảng 2.17: Số lượng và giá trị giao dịch chứng khoán của CTS giai đoạn 2019 - 2023	48
Bảng 2.18: Số lượng giao dịch chứng khoán	49
Bảng 2.19: Doanh thu và lợi nhuận hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của CTS giai đoạn 2019 – 2023	51
Bảng 2.20: Lợi nhuận và lợi nhuận biên của Công ty giai đoạn 2019– 2023	53
Bảng 2.21. Lợi nhuận và lợi nhuận biên hoạt động đầu tư chứng khoán của CTS giai đoạn 2019 - 2023	54
Bảng 3.1: Phân tích hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của CTS theo mô hình SWOT	61
Bảng 3.2 Quy trình đầu tư chứng khoán trên hệ thống chuyên biệt.....	63

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh	6
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty	18
Sơ đồ 2.2. Quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch tại Công ty	21
Sơ đồ 2.3. Quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh chưa niêm yết/đăng ký giao dịch tại CTS	31
Sơ đồ 2.4. Quy trình nghiệp vụ đầu tư Trái phiếu tại CTS	37

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Kết quả kinh doanh của CTS giai đoạn 2019 – 2023	19
Biểu đồ 2.2. Phân tích kỹ thuật cổ phiếu DBC.....	27
Biểu đồ 2.3. Số lượng và giá trị giao dịch chứng khoán của CTS giai đoạn 2019 - 2023	49
Biểu đồ 2.4. Lợi nhuận và lợi nhuận biên của CTS giai đoạn 2019– 2023	53

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua 23 năm hình thành và phát triển, thị trường chứng khoán (TTCK) đã có sự phát triển vượt bậc, trở thành kênh dẫn vốn trung và dài hạn chủ yếu của nền kinh tế. Cùng với sự phát triển của thị trường, rất nhiều công ty chứng khoán mới được thành lập và đang trên đà phát triển mạnh. Là một trong 20 Công ty chứng khoán có vốn điều lệ và tổng tài sản lớn nhất trên thị trường hiện nay, Công ty chứng khoán Ngân hàng Công Thương (CTS) cũng đã đặt ra cho mình rất nhiều mục tiêu để nâng cao năng lực cạnh tranh, trở thành Công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường về doanh thu mảng đầu tư và trở thành lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp.

Một trong những hoạt động được chú trọng nhất trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược của Công ty là hoạt động đầu tư thông qua nghiệp vụ tự doanh. Đây là mảng kinh doanh quan trọng, đóng góp phần lớn vào doanh thu của công ty. Đặc biệt trong những năm gần đây, lợi nhuận thu về từ hoạt động đầu tư thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn từ 60% - 75% tổng doanh thu thuần.

Với đặc thù là phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường, mảng tự doanh chứng khoán thời gian qua được sự ủng hộ rất lớn từ tình hình kinh tế vĩ mô chung. Năm 2017, chỉ số VN-index đạt 984,24 điểm vượt đỉnh sau 10 năm với mức tăng 48% và lọt vào top 3 chỉ số chứng khoán có mức tăng mạnh nhất trên thế giới trong năm này. Về quy mô thị trường, năm 2019 đến nay, mức thanh khoản giao dịch luôn ở ngưỡng cao trong lịch sử, quy mô vốn hóa thị trường liên tục tăng.

Tuy nhiên, hiện nay tình hình thế giới biến động rất khó lường tạo ra nhiều áp lực lên nền kinh tế Việt Nam. Tình hình lạm phát gia tăng liên tục tại nhiều quốc gia trên thế giới sau khi bùng nổ dịch Covid 19 đã khiến Chính phủ nhiều quốc gia phải thực hiện các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô khiến nền kinh tế nhiều quốc gia đang giảm tốc. Thêm vào đó, những xung đột từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine; Isarel – Hamas đang ngày càng căng thẳng làm tổn hại đến nền kinh tế do làm đứt gãy chuỗi cung ứng trên toàn cầu. Tất cả những yếu tố trên tạo ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Cùng với đó, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp, quá trình thanh lọc sai phạm trên TTCK, áp lực tỷ giá và lạm phát, đầu tư công giải ngân chậm tạo áp lực lên thanh khoản toàn thị trường.

Là một nhà đầu tư trên thị trường, Công ty Chứng khoán Công Thương không thể tránh khỏi những tác động bất lợi từ môi trường kinh doanh đầy biến động này. Đặc biệt, mảng tự doanh là mảng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ những biến đổi vĩ mô nền kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động tự doanh của Công ty chứng khoán công thương mới chỉ phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật bằng những công cụ máy móc đơn giản, chưa ứng dụng nhiều khoa học công nghệ nên đôi khi các phân tích đưa ra chưa được nhanh và sát với thị trường. Chính vì thế, để tiếp tục thực hiện mục tiêu chiến lược trở thành Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, cần phải liên tục đổi mới và tìm ra các giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Đứng trước những cơ hội và thách thức sắp tới, là một chuyên viên làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, để đạt được mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn mạnh hàng đầu trên TTCK Việt Nam, tôi đã lựa chọn đề tài: ***“Đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam”*** cho đề án tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề án được thực hiện với những mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận chung về đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại các công ty chứng khoán.

Thứ hai, đánh giá thực trạng hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam giai đoạn 2019-2023.

Thứ ba, đề xuất giải pháp và kiến nghị hoàn thiện hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng nói chung và Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam nói riêng. Vấn đề nghiên cứu luôn gắn với mục tiêu chiến lược kinh doanh, gắn với các công cụ quản lý kinh doanh chứng khoán của nhà nước và của Công ty.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian:* Đề án nghiên cứu hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

- *Phạm vi thời gian:* Đề tài nghiên cứu hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam trong giai đoạn 2019 -2023, giải pháp và kiến nghị được đề xuất đến năm 2030.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Đề án được thực hiện nhằm trả lời được những câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Thực trạng hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam hiện như thế nào?

2. Những kết quả, hiệu quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam là gì?

3. Để hoàn thiện hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam cần những giải pháp gì?

4. Phương pháp nghiên cứu

❖ *Phương pháp thu thập thông tin*

Thu thập số liệu sơ cấp về vĩ mô từ các nguồn khác nhau: UBCK, Sở giao dịch chứng khoán, các trang dữ liệu Trading Economics, Reuter, Bloomberg, Vietstock Finance. Số liệu thứ cấp được lấy chủ yếu từ Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính của CTS giai đoạn 2019 - 2023, bản cáo bạch và các công bố thông tin được CTS công bố trên thị trường chứng khoán.

❖ *Phương pháp so sánh và phân tích theo xu hướng*

- Đối chiếu các chỉ tiêu (như doanh thu, chi phí, lợi nhuận) hay chỉ số (như tỷ lệ lợi nhuận/ doanh thu, tỷ suất đầu tư, ...) qua các năm.

- So sánh các chỉ tiêu và chỉ số về hiệu quả hoạt động đầu tư của CTS với các công ty chứng khoán khác trên thị trường và với các chỉ số thị trường (Vn-Index hay Hnx-Index).

- Đây là kỹ thuật phân tích bằng cách tính toán giá trị chênh lệch và tỷ lệ % chênh lệch của các chỉ số qua nhiều năm.

❖ ***Phương pháp phân tích theo cơ cấu***

Phương pháp phân tích theo cơ cấu là kỹ thuật phân tích dùng để xác định khuynh hướng thay đổi của từng khoản mục.

❖ ***Tổng hợp và phân tích thông tin***

Để phản ánh toàn bộ một cách cụ thể về hoạt động đầu tư thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán của CTS, việc phân tích thực trạng đầu tư thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán của CTS thông qua các chỉ tiêu, đánh giá các yếu tố, năng lực và nghiệp vụ của CTS là rất quan trọng.

5. Kết cấu đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, đề án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán

Chương 2: Thực trạng hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

1.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán

1.1.1. Khái niệm

Đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh là hoạt động mà công ty chứng khoán đóng vai trò như một nhà đầu tư trên thị trường. Các công ty chứng khoán sẽ mua bán chứng khoán cho chính mình thông qua cơ chế giao dịch khớp lệnh, thoả thuận trên các sàn chứng khoán hoặc thị trường phi tập trung. Hiện tại trên thị trường chứng khoán Việt Nam, do các loại chứng khoán phái sinh chưa phát triển mạnh nên các hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán chủ yếu xoay quanh cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ.

1.1.2. Đặc điểm

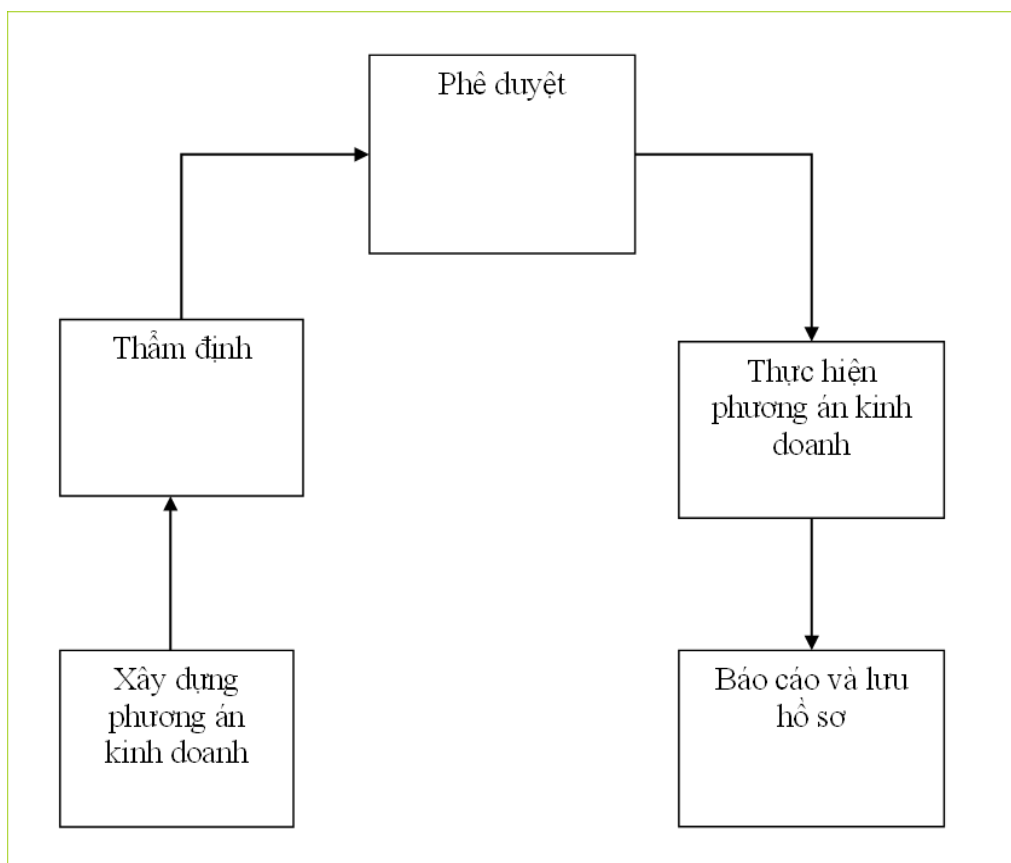
Thứ nhất, hoạt động tự doanh của CTCK mang tính chuyên nghiệp cao. Tính chuyên nghiệp thể hiện trước hết ở trình độ và kỹ năng của các cán bộ thực hiện hoạt động tự doanh của CTCK. Họ là những người có chuyên môn cao, có khả năng phân tích để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn cũng như chịu được áp lực công việc lớn. Quy trình đầu tư quy định tất cả các quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên tham gia trong hoạt động tự doanh của công ty cùng với đó phải đưa ra các phương án thực hiện đầu tư.

Thứ hai, hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán có quy mô đầu tư vào TTCK lớn với danh mục đầu tư rất đa dạng. Phần lớn các công ty chứng khoán có tiềm lực tài chính và có thể huy động được nguồn vốn lớn nên giá trị của khoản đầu tư thường lớn, với tính chuyên nghiệp cao khả năng tiếp cận, phân tích thông tin tốt nên các công ty chứng khoán không chỉ tập trung vào một thị trường, một ngành nghề hay một công ty nhất định nào đó mà họ đầu tư rộng khắp trên nhiều thị trường khác nhau, cả trong và ngoài nước.

Thứ ba, hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán tiềm ẩn rất nhiều các rủi ro. Tương tự rủi ro như các nhà đầu tư gặp phải, thậm

chí với quy mô khoản đầu tư lớn, nếu gặp phải rủi ro, hậu quả nghiêm trọng hơn bình thường, bởi vậy trong hoạt động tự doanh của mình các công ty chứng khoán đều sử dụng các công cụ phòng vệ. Việc sử dụng các công cụ phòng vệ hữu hiệu đến đâu còn phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau cả yếu tố khách quan và chủ quan.

1.2. Quy trình thực hiện đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán



Sơ đồ 1.1: Quy trình đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

Nguồn: Tổng hợp của Tác giả

Quy trình đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại các CTCK thường thông qua một số bước sau:

Bước 1: Xây dựng phương án đầu tư

Để xây dựng phương án kinh doanh, phòng Tự doanh thực hiện các bước cơ bản để lựa chọn Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Trái phiếu. Bộ phận tự doanh sẽ triển khai tìm kiếm các cơ hội đầu tư, lựa chọn ngành nghề tiềm năng, công ty tiềm năng để đầu tư.

Bước 2: Thẩm định

Trong giai đoạn này, bộ phận quản trị rủi ro sẽ tiến hành thẩm định, đánh giá mức độ rủi ro, hiệu quả của các khoản đầu tư. Kết quả của giai đoạn này sẽ là những kết luận cụ thể về việc công ty có nên đầu tư hay không và đầu tư với số lượng như thế nào. Đây là một trong những bước quan trọng trong quy trình tự doanh vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư.

Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thẩm định rủi ro và được thông qua, cán bộ tự doanh báo cáo Lãnh đạo Phòng Tự doanh và trình Phó Tổng giám đốc phụ trách cho ý kiến phê duyệt. Sau khi được phê duyệt phương án kinh doanh từ PTGD, Phòng tự doanh sẽ tiếp tục trình Cấp có thẩm quyền quyết định. Cấp có thẩm quyền quyết định có thể là TGD/QTGD hoặc Hội đồng đầu tư. Thông thường khi trình phương án kinh doanh lên cấp có thẩm quyền. Thư ký Hội đồng đầu tư sẽ gửi thông báo đề xuất Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT để rà soát, thẩm định, nêu ý kiến về PAKD theo đề xuất của Phòng Tự doanh & BLPH. Trường hợp HĐQT không yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thông tin: Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký tờ trình, trình HĐQT xem xét quyết định PAKD. Trường hợp HĐQT yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thông tin: chuyển trả PAKD cho Phòng TD & BLPH chỉnh sửa, hoàn thiện phương án.

Sau khi được HĐQT thông qua và trình lên HĐQT: Trường hợp HĐQT đồng ý thực hiện PAKD: Phòng Tự doanh triển khai thực hiện PAKD. Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung thông tin trong PAKD, chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện PAKD, lấy ý kiến của PTGD và HĐQT với phương án đã được chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình HĐQT phê duyệt.

Bước 4: Thực hiện Phương án kinh doanh

Sau khi PAKD được Cấp có thẩm quyền thông qua, Phòng tự doanh tiến hành thông báo kế hoạch giao dịch cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp cho các phòng nguồn vốn để chuẩn bị nguồn vốn đầu tư hoặc các phòng ban liên quan đến thực hiện chuyển tiền ký quỹ khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh. Trước mỗi phiên giao dịch, kiểm tra trạng thái danh mục chứng khoán hiện có: số lượng chứng khoán có thể giao dịch; giá giao dịch đề xuất; giá thị trường; giá trị đã đầu tư; lãi lỗ trên danh mục,... Đồng thời cập nhật tin tức về kinh tế, thị trường, chứng khoán hàng ngày, báo cáo Lãnh đạo Phòng Tự doanh và đề xuất phương án giao dịch theo ngày. Theo dõi diễn biến thị trường, thực hiện đặt lệnh giao dịch theo PAKD đã được thông qua.

Đối với cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh chưa niêm yết ở bước này để đầu tư cán bộ tự doanh phải thực hiện thủ tục đăng ký đấu giá/đăng ký quyền mua cổ phần tại các đại lý đấu giá/TCPH/tổ chức được ủy quyền quản lý sổ cổ đông. Tương tự với trái phiếu doanh nghiệp, phòng tự doanh phải thực hiện các thủ tục chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu tại TCPH/Tổ chức được ủy quyền chuyển nhượng trái phiếu.

Bước 5: Báo cáo và lưu trữ hồ sơ

Kết thúc phiên giao dịch, nhân viên tự doanh lập Báo cáo trạng thái danh mục tự doanh cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh hàng ngày. Báo cáo trạng thái danh mục hàng ngày phải đảm bảo cập nhật khối lượng giao dịch trong ngày, cập nhật giá thị trường khi kết thúc phiên giao dịch, cập nhật các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán trong danh mục làm cơ sở xác định hiệu quả và trạng thái danh mục đầu tư hàng ngày.

Lập Báo cáo giao dịch cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh niêm yết, đăng ký giao dịch hàng ngày (nếu có) gửi Phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ tổng hợp gửi các Cơ quan chức năng theo yêu cầu. Lưu trữ toàn bộ hồ sơ có liên quan đến PAKD theo quy định.

1.3. Vốn và nguồn vốn cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán

1.3.1. Vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

Vốn cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh bao gồm các khoản tiền mà công ty chứng khoán đã thu được từ các nhà đầu tư thông qua việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu. Đối với một công ty chứng khoán, vốn còn bao gồm các tài sản khác như các khoản đầu tư, tài sản tài chính và các nguồn lực khác mà công ty sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh doanh của mình, chẳng hạn như mua bán chứng khoán cho khách hàng hoặc tạo lập các sản phẩm tài chính phức tạp.

1.3.2. Nguồn vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

Nguồn vốn cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh bao gồm các nguồn sau:

Vốn chủ sở hữu: là tổng giá trị của tài sản mà chủ sở hữu đầu tư vào doanh nghiệp hoặc dự án cụ thể. Đây là số tiền hoặc các tài sản mà chủ sở hữu góp vào công ty hoặc dự án để thúc đẩy hoạt động kinh doanh và tạo ra lợi nhuận

Quy dự trữ bổ sung vốn điều lệ: là một phần của vốn điều lệ của một công ty, được sử dụng để bổ sung hoặc bảo vệ vốn cơ bản của doanh nghiệp. Đây là một phần của lợi nhuận được dành riêng để tạo ra một "lưới an toàn" tài chính, giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng chống chịu của doanh nghiệp trong trường hợp có các biến động không mong muốn.

Lợi nhuận chưa phân phối: là một phần của lợi nhuận mà một công ty đã kiếm được, nhưng chưa được phân phối dưới dạng cổ tức cho cổ đông hoặc sử dụng cho mục đích khác như tái đầu tư vào doanh nghiệp.

Tùy thuộc vào mục tiêu và chiến lược đầu tư cụ thể, các nhà đầu tư có thể sử dụng một hoặc kết hợp các nguồn vốn này để thực hiện nghiệp vụ tự doanh trên thị trường chứng khoán.

1.4. Nội dung hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán

- *Tự doanh cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết:* Công ty tập trung phân tích từng cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết với những mục đích khác nhau. Phương pháp phân tích là dựa vào phân tích cơ bản là chủ yếu để chọn ra công ty tốt và chứng khoán tốt. Bên cạnh đó công ty phải thường xuyên phân tích kỹ thuật lựa chọn thời điểm tăng giá hoặc giảm giá để đi đến quyết định đặt lệnh giao dịch.

- *Tự doanh trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết:* Công ty đánh giá chung về tổ chức phát hành, xem xét mức độ xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành & trái phiếu của họ. Xác định lãi suất dự đoán đối với loại trái phiếu tự doanh dựa vào lãi suất huy động của các tổ chức tín dụng, lãi suất của các loại tín dụng có cùng kỳ hạn..., công ty cũng phải tính toán số lượng trái phiếu tự doanh căn cứ vào khả năng về vốn của công ty, chiến lược đầu tư của công ty, khả năng đáp ứng về lãi suất dự đoán, tương lai của công ty... Sau đó xây dựng phương án tự doanh. Việc này tùy thuộc vào tổ chức của công ty. Sau khi phương án này được lãnh đạo phê duyệt, nhân viên tự doanh sẽ thực hiện giao dịch theo quyết định cuối cùng của lãnh đạo

1.5. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán

1.5.1. Các chỉ tiêu kết quả

** Số lượng và giá trị giao dịch chứng khoán*

Số lượng giao dịch chứng khoán là tổng số lượng chứng khoán được thực hiện mua, bán trong một khoảng thời gian

Giá trị giao dịch là tổng toàn bộ số tiền thực hiện mua, bán chứng khoán trong một khoảng thời gian.

Giá trị giao dịch tăng cao thể hiện nhà đầu tư hưng phấn và mọi người tin tưởng rằng thị trường sẽ đi lên, hoạt động mua bán diễn ra nhộn nhịp. Khi giá trị giao dịch xuống thấp thể hiện nhà đầu tư kì vọng không tốt về thị trường trong thời gian tới.

** Tỷ suất lợi nhuận của danh mục đầu tư*

Phản ánh tỷ suất lợi nhuận của danh mục đầu tư hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng năm. Nó cho phép xem xét một cách rõ ràng là danh mục đầu tư này có hiệu quả hay không. Bằng cách so sánh tỷ suất lợi nhuận của danh mục với lãi suất của ngân hàng, lãi suất của trái phiếu, với tỷ suất của danh mục khác. Từ đó đưa ra quyết định cho danh mục của công ty.

** Khối lượng vốn đầu tư thực hiện cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh*

Đó chính là khoản vốn ban đầu mà công ty chứng khoán bỏ ra để kinh doanh chứng khoán. Khoản vốn này có thể được điều chỉnh, thay đổi tăng giảm tùy thuộc vào mục tiêu của công ty, cũng như tùy vào sự thay đổi của thị trường chứng khoán

** Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán bao gồm:

- Các khoản lãi bán chứng khoán bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu.
- Cổ tức, tiền lãi.
- Lãi trái phiếu bao gồm: Dự thu lãi Trái phiếu, Lãi Repo Trái phiếu chính phủ.
- Chênh lệch tăng TSTC.

Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh chứng khoán sẽ là phần doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán trừ đi các chi phí cho hoạt động tự doanh bao gồm:

- Lỗ bán chứng khoán: Cổ phiếu, trái phiếu.
- Chi phí giao dịch mua chứng khoán.
- Chi phí lưu ký tài sản.
- Chi phí trích lập dự phòng.
- Chi phí trả sở và Chi phí khác.

- Chênh lệch giảm TSTC.

1.5.2. Các chỉ tiêu hiệu quả

* Lợi suất đầu tư

Lợi suất là thước đo cơ bản cho sự hiệu quả quản lý danh mục đầu tư. Chỉ tiêu này là sự so sánh giữa các kết quả đầu ra (output) so với chi phí bỏ ra (input) để có kết quả đó trong một thời kì nhất định. Nói cách khác, lợi suất đầu tư là số phần trăm được tính toán theo thu nhập bằng tiền của nhà đầu tư khi đầu tư chứng khoán.

Lợi suất kỳ nắm giữ (Holding-period return – HPR) của một chứng khoán được đo lường như sau:

$$HPR = \frac{\text{Giá cuối kỳ } (P_{t+1}) - \text{Giá đầu kỳ } (P_t) + \text{Cổ tức hoặc trái tức bằng tiền}}{\text{Giá đầu kỳ } (P_t)}$$

Ngoài ra, dựa trên dữ liệu quá khứ có thể tính lợi suất đầu tư vào một loại chứng khoán như sau:

$$R = \frac{R_1 + R_2 + R_3 + \dots + R_n}{n} = \frac{\sum_{i=1}^n R_i}{n}$$

Hoặc:

$$(1 + R_1)(1 + R_2)(1 + R_3) \dots (1 + R_n) = (1 + R)^n$$

$$R = [(1 + R_1)(1 + R_2)(1 + R_3) \dots (1 + R_n)]^{1/n} - 1$$

Với R_i là lãi suất của kỳ thứ i .

* Lợi nhuận biên của hoạt động tự doanh

Danh mục đầu tư là một nhóm tài sản (như cổ phiếu, trái phiếu) mà một nhà đầu tư nắm giữ. Lợi suất kỳ vọng của danh mục đầu tư là bình quân gia quyền của các lợi suất kỳ vọng của các khoản đầu tư trong danh mục.

$$E(R_p) = \sum_i^n w_j \times R_j$$

Trong đó:

- w_j là tỷ trọng các khoản đầu tư,
- R_j là lợi suất kỳ vọng của khoản đầu tư j

Tuy nhiên, trong trường hợp số liệu cụ thể về các loại chứng khoán nắm giữ trong danh mục không thể thu thập được người ta có thể sử dụng dữ liệu từ bảng báo cáo tài

chính kiểm toán của công ty để tính lợi nhuận biên của hoạt động đầu tư theo công thức như sau:

$$\text{Lợi nhuận biên của hoạt động tự doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận của hoạt động tự doanh}}{\text{Doanh thu của hoạt động tự doanh}}$$

Để đánh giá hiệu quả đầu tư của công ty chứng khoán trong một kỳ kế toán, lợi nhuận biên sẽ được so sánh qua các năm, so với lợi nhuận biên của các hoạt động khác trong cùng công ty và so sánh với lợi nhuận biên hoạt động tự doanh của công ty tương đương trên thị trường.

1.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại công ty chứng khoán

1.6.1. Các nhân tố chủ quan

- *Chính sách phát triển của công ty:* Trong mọi nhân tố chủ quan, chính sách phát triển của công ty chứng khoán có ảnh hưởng to lớn và quyết định nhất, thay đổi trong từng giai đoạn hoạt động, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động tự doanh của công ty. Chính sách phát triển của công ty đưa ra các chỉ tiêu cần đạt được trong giai đoạn tiếp theo với những chiến lược đầu tư khác nhau (nới lỏng hoặc thắt chặt).

- *Nhân tố con người:* Nhân sự là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động của CTCK nói chung và nghiệp vụ tự doanh chứng khoán nói riêng. CTCK muốn giành thắng lợi trong cạnh tranh thì công việc trước tiên và cần thiết là không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ tự doanh trở thành nhà tự doanh chuyên nghiệp, có kỹ năng, có đạo đức nghề nghiệp nhằm phát huy sức mạnh nghề nghiệp để chiếm được lòng tin của khách hàng.

- *Cơ sở vật chất và trình độ công nghệ:* Cơ sở vật chất có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động của các CTCK. Là trung gian mua bán chứng khoán cho khách hàng, các CTCK phải có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, để đảm bảo việc tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng và chính xác.

- *Quy trình tự doanh:* Quy trình tự doanh là một quy trình trong đó phân bổ công việc, trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của từng nhân viên thực hiện kinh doanh. Chỉ khi công ty xây dựng được một quy trình chặt chẽ và khoa học thì từng cán bộ tự doanh cũng như các cấp ra quyết định ở trên mới nhận thức rõ trách nhiệm của mình, từ đó hiệu quả của hoạt động tự doanh mới có thể nâng cao.

- *Mô hình tổ chức CTCK*: Mô hình tổ chức của CTCK ảnh hưởng tới tính chất chuyên môn hóa của nghiệp vụ tự doanh từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của nghiệp vụ tự doanh.

- *Cơ chế kiểm soát*: Để đảm bảo các quy chế, quy trình đầu tư được tuân thủ đúng đắn và đầy đủ, công ty chứng khoán phải có kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ tự doanh.

- *Sự phát triển của các nghiệp vụ khác*: Các hoạt động của một CTCK có mối liên hệ mật thiết với nhau cũng như hỗ trợ lẫn nhau. Một CTCK có nghiệp vụ môi giới chuyên nghiệp sẽ dễ dàng giúp các cán bộ tự doanh có được các thông tin để phân tích, đánh giá thị trường.

- *Quản trị rủi ro*: Bên cạnh việc phát triển doanh thu và tăng trưởng thị phần thì một vấn đề rất quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của hoạt động tự doanh chứng khoán ở công ty chứng khoán đó là quản trị rủi ro, phát hiện những nguy cơ tiềm ẩn của doanh nghiệp, từ đó mới đảm bảo được hiệu quả của hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh. Vì vậy, vấn đề quản trị rủi ro luôn được các công ty chứng khoán đặt lên hàng đầu.

1.6.2. Các nhân tố khách quan

- *Môi trường chính trị - xã hội và pháp luật*: Môi trường pháp lý, chính trị đối với bất kỳ một quốc gia nào luôn có các tác động nhất định đến hoạt động của TTCK quốc gia đó. Những sự kiện lớn như chiến tranh, biến động chính trị hay hệ thống pháp lý trong ngoài nước luôn gây ra các thay đổi lớn nhỏ trong môi trường kinh doanh. Môi trường đầu tư với khung pháp lý chặt chẽ, hoàn chỉnh sẽ tạo được sự chú ý của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho thị trường phát triển.

- *Sự phát triển và thực trạng của nền kinh tế*: TTCK là một bộ phận của thị trường tài chính quốc gia hay nói rộng ra nó là một bộ phận của nền kinh tế. Vì vậy sự phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của TTCK.

- *Sự phát triển của thị trường chứng khoán*: TTCK là môi trường hoạt động của các CTCK. Sự phát triển của TTCK ở đây là sự phát triển ở cả cung và cầu chứng khoán. Số lượng và chất lượng hàng hoá trên thị trường dồi dào sẽ tạo ra rất nhiều cơ hội đầu tư chứng khoán cho các tổ chức cũng như nhà đầu tư cá nhân trên thị trường đó. Thị trường càng phát triển, số lượng nhà đầu tư, các tổ chức phát hành càng lớn sẽ tạo điều kiện phát triển các nghiệp vụ của CTCK, trong đó có tự doanh.

- *Minh bạch thông tin, trình độ và thói quen và tâm lý đầu tư của công chúng:*
Cũng giống như các thị trường khác, TTCK cũng vận động theo quy luật cung cầu. Để chuyển tiết kiệm thành đầu tư (cung – cầu), một yếu tố rất quan trọng là thu nhập, kiến thức của công chúng – những nhà đầu tư tiềm năng.

Ở một thị trường mà thu nhập cũng như kiến thức về các sản phẩm, dịch vụ tài chính của công chúng là cao thì hoạt động đầu tư sẽ sôi động hơn và nghiệp vụ tự doanh cũng có điều kiện phát triển hơn.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2019-2023

2.1. Tổng quan về Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

2.1.1. Thông tin chung về Công ty

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
- Tên tiếng anh: VIETINBANK SECURITIES COMPANY
- Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngày thành lập: 01/09/2000
- Vốn điều lệ của công ty (tại ngày 31/12/2023): 1.487.383.110.000 VND
- Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2023): 2.037.934.556.956 VND
- Trụ sở chính: N02T2 Khu Ngoại giao đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.637.3000
- Fax: 0243.974.1760
- Website: www.cts.vn
- Tổng số nhân viên: 217 nhân viên, trong đó có 77 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương – VietinBank Securities) là một trong những công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam.

- Công ty được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 01/09/2000 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) với tên gọi ban đầu là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công

Thương Việt Nam. Vốn điều lệ ban đầu là 55 tỷ đồng. Thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ năm 2004 – năm 2008: Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng, 300 tỷ đồng và 500 tỷ đồng.

- 01/07/2009, Công ty chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 107/UBCK-GP ngày 01/07/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Tăng vốn điều lệ lên 789,934 tỷ đồng. Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán CTS. Đưa hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần mềm lõi chứng khoán của Free Will, hệ thống máy chủ của IBM và hệ thống hạ tầng mạng viễn thông vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Năm 2010: Hoạt động tư vấn tài chính của Công ty lần đầu lọt vào Top 6 công ty hoạt động hiệu quả nhất thị trường.

- Năm 2011: Top 10 về thị phần môi giới trên HNX. Chính thức triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến. Top 5 các Công ty chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất năm 2011.

- Năm 2013: Đứng thứ 8 về thị phần môi giới trên sàn HOSE Quý III/2013.

- Năm 2014: Đột phá về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với mức tăng 227,7% so với năm 2013.

- Năm 2015: Tăng vốn điều lệ lên 904,24 tỷ đồng. Vượt lên vị trí số 1 thị phần môi giới sàn giao dịch UPCOM. Giải thưởng “Nhà tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ tiêu biểu” do diễn đàn M&A Việt Nam 2015 bình chọn. Danh hiệu Công ty đóng góp liên tục 15 năm cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam do UBCKNN trao tặng. Top 5 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trao tặng. Top 10 Công ty chứng khoán có hoạt động IB cao nhất năm 2015.

- Năm 2016: Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016 do HNX bình chọn. Doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch trên HNX năm 2016. Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2016. Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước về việc đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng. Top 10 Công ty chứng khoán có doanh thu hoạt động IB cao nhất năm 2016.

- Năm 2017: Chuyển sàn niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE). Ngày 13/09/2017, UBCKNN đã cấp giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK về việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty lên 976,5 tỷ đồng. Khai trường Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng.

- Năm 2018: Tăng vốn điều lệ Công ty lên 1.064,4 tỷ đồng. Chính thức đưa vào hệ thống vận hành hệ thống quản lý và giao dịch chứng khoán (UNICORE) và ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (UniMobi). Thành viên tiên bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn. Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

- Năm 2019: Thành viên tiêu biểu năm 2018-2019 do HNX bình chọn.

- Năm 2020: hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông Công ty và Ngân hàng Công Thương Việt Nam giao trong năm 2020

- Năm 2021: Ký kết thành công hợp đồng vay vốn nước ngoài với tổng giá trị lên tới 100 triệu USD từ nhóm các Ngân hàng lớn của Đài Loan, Hàn Quốc. Lập kỷ lục về doanh thu và lợi nhuận kể từ khi công ty thành lập.

- Năm 2022: Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận nhất Việt Nam năm 2022.

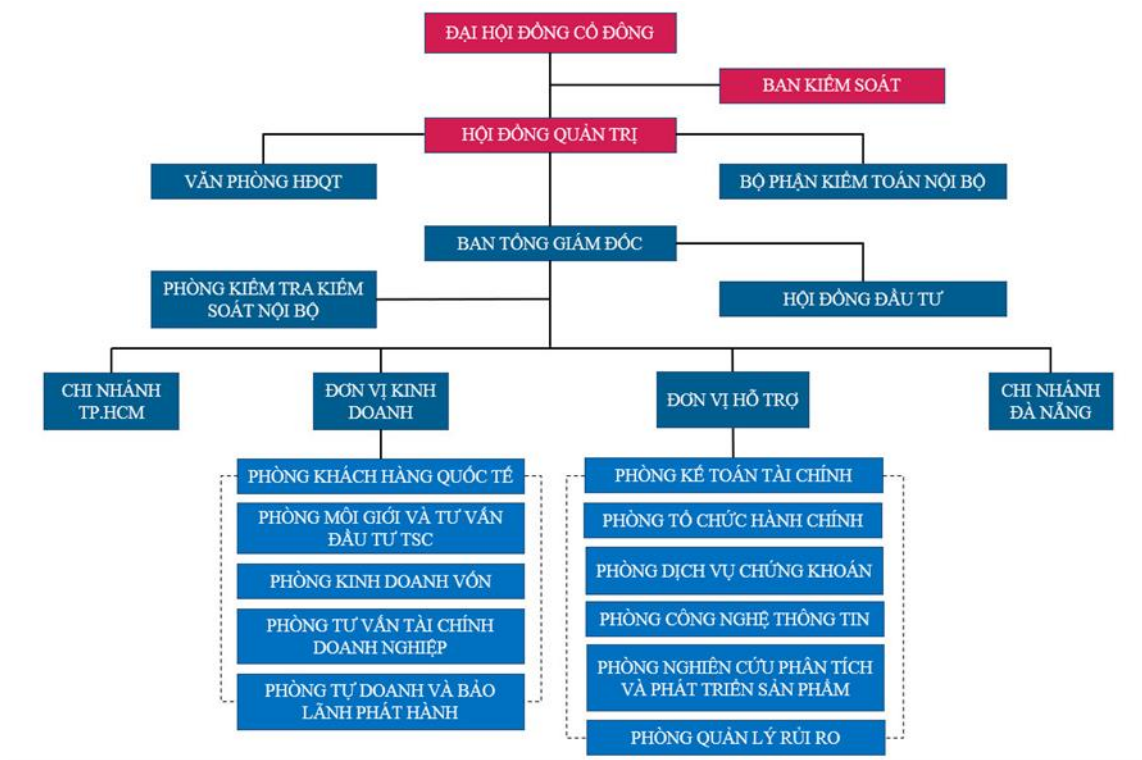
2.1.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty đang thực hiện nghiệp vụ kinh doanh các lĩnh vực của thị trường chứng khoán bao gồm các lĩnh vực chính sau:

- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành
- Hoạt động môi giới chứng khoán
- Hoạt động kinh doanh vốn
- Hoạt động khách hàng quốc tế

2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty

❖ *Sơ đồ của cơ cấu tổ chức của Công ty:*



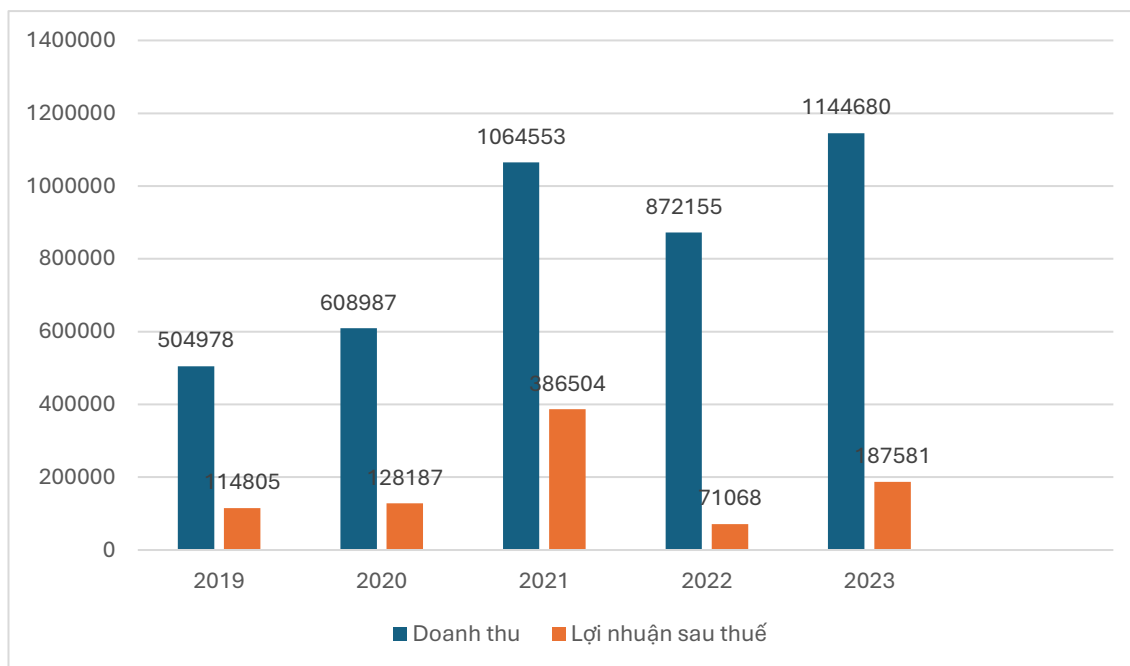
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Nguồn: Báo cáo thường niên CTS năm 2023

2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019-2023

Tình hình tài chính của công ty luôn là vấn đề cần được quan tâm bởi vì nó thể hiện sức mạnh của công ty. Công ty có tình hình tài chính tốt, ổn định qua các năm thể hiện sự phát triển tốt, có khả năng chi trả các khoản nợ cũng như triển vọng phát triển trong tương lai.

Đơn vị: Triệu đồng.



Biểu đồ 2.1. Kết quả kinh doanh của CTS giai đoạn 2019 – 2023

Nguồn: Báo cáo thường niên của Công ty.

Nhìn chung, có sự gia tăng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CTS từ năm 2019 – 2021 và đặc biệt có sự bùng nổ về doanh thu và lợi nhuận vào năm 2021. Trong năm 2021, CTS ghi nhận một năm hoạt động thành công, thiết lập nhiều mức kỷ lục mới với lợi nhuận sau thuế cao nhất trong lịch sử thành lập công ty, đạt 386,6 tỷ đồng, tăng 201,52% so với năm 2020 và vượt 167% so với kế hoạch. Đồng thời, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt tỷ 1.064,4 tỷ đồng, tăng trưởng 74,81% so với năm 2020. Năm 2022, doanh thu thuần giảm xuống 872,2 tỷ đồng, giảm 18,07% so với năm 2021 tuy nhiên vẫn ở mức cao trong giai đoạn 2018 – 2022.

Bước sang năm 2023, lợi nhuận sau thuế đạt 187,5 tỷ đồng, tăng 163,95% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế tăng vượt kế hoạch năm 2023 đề ra, nguyên nhân chính là do diễn biến của Thị trường Tài chính, Chứng khoán Việt Nam năm 2023 có diễn biến thuận lợi hơn so với năm 2022 nhờ động lực chính là chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước với 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên 29/12/2023 tại 1.129,93 điểm; ghi nhận mức tăng 12,19% so với giá đóng cửa của phiên giao dịch cuối cùng năm 2022, khối lượng giao dịch bình quân phiên tăng 12,2% so với năm trước.

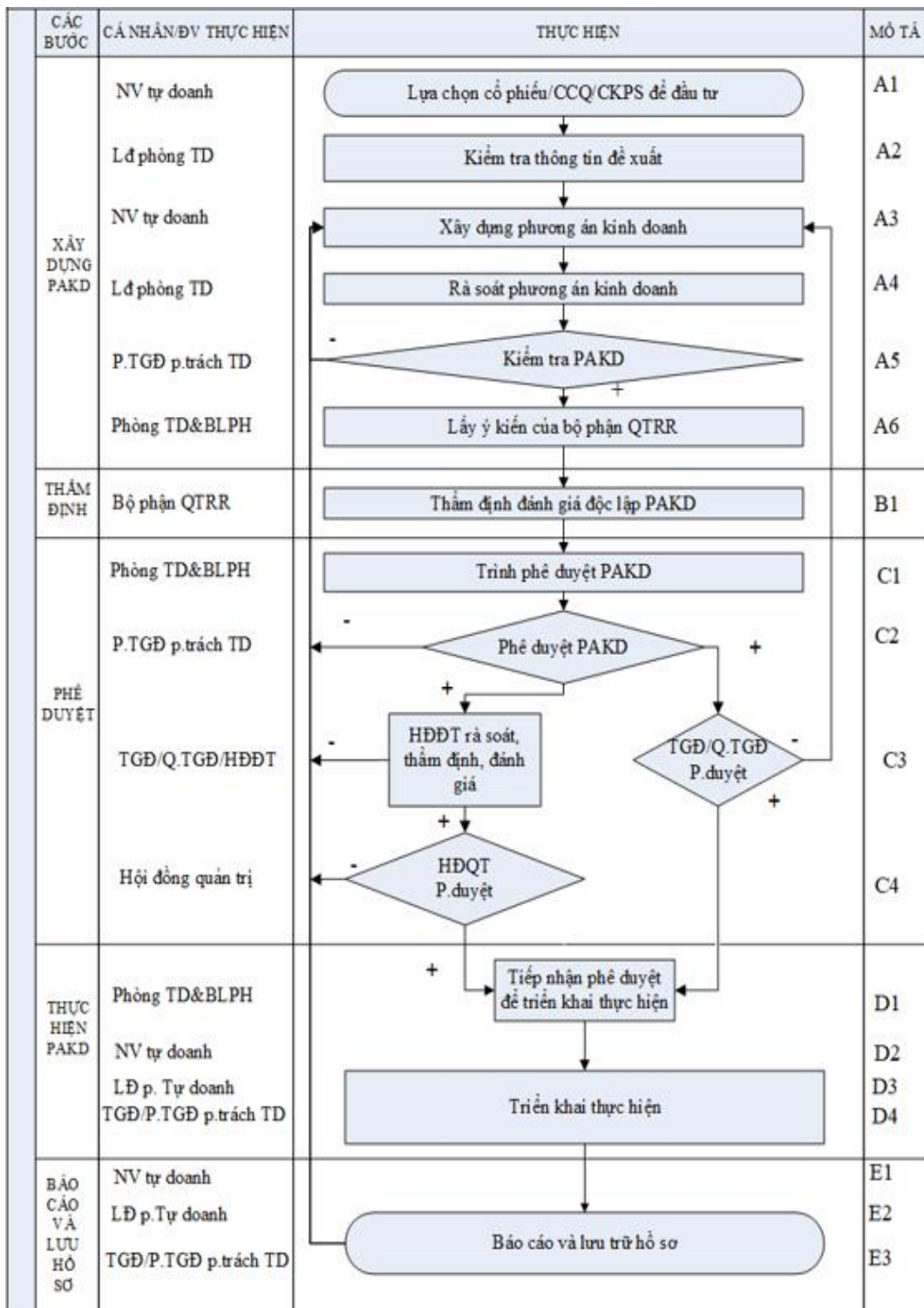
2.2. Thực trạng hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam giai đoạn 2019- 2023

2.2.1. Quy trình thực hiện đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty

Quy trình nghiệp vụ đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của CTS bao gồm:

- Đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch;
- Đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa giao dịch trên sàn niêm yết/đăng ký giao dịch;
- Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

2.2.1.1. Quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch tại Công ty



Sơ đồ 2.2. Quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch tại Công ty

Nguồn: Quy trình, nghiệp vụ tự doanh của Công ty

Bước 1: Xây dựng phương án kinh doanh

Thu thập, tìm kiếm các thông tin kinh tế vĩ mô, thông tin thị trường, thông tin về TCPH, về tài sản cơ sở, về chứng khoán dự kiến đề xuất đầu tư. Phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin thu thập được làm cơ sở dự báo triển vọng thị trường, triển vọng ngành, triển vọng về cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh dự kiến đề xuất đầu tư. Số liệu phân tích sau khi được thu thập sẽ được xử lý bằng hai phương pháp là phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật.

Phân tích cơ bản: CTS đi từ phân tích tình hình kinh tế vĩ mô, tác động của các yếu tố và chu kỳ kinh doanh vào thị giá chứng khoán và phản ứng của thị trường trước biến động của các yếu tố này.

Phân tích kỹ thuật: CTS sử dụng phương pháp phân tích kỹ thuật để xác định thời điểm mua, bán chứng khoán trên thị trường niêm yết. CTS thường sử dụng các công cụ phân tích kỹ thuật sau: Phần mềm phân tích kỹ thuật của hãng truyền thông Bloomberg, của hãng truyền thông Reuter; Phần mềm phân tích kỹ thuật Megastock.

Các công việc phân tích số liệu:

1. Cán bộ phân tích thu thập số liệu.
2. Cán bộ phân tích tổng hợp số liệu bằng phương pháp tổng hợp, tóm lược sau đó đánh giá số liệu có chính xác và đầy đủ không. Ở giai đoạn này cán bộ phân tích phải xử lý số liệu.
3. Cán bộ phân tích đưa ra một báo cáo tổng hợp số liệu đầy đủ và ngắn gọn nhất về công ty đang phân tích.
4. Trình báo cáo cho trưởng phòng phân tích đầu tư.
5. Trưởng phòng cho ý kiến, nhận xét sau đó trả lại cho cán bộ phân tích.
6. Trên cơ sở nhận xét của trưởng phòng, cán bộ phân tích hoàn thành báo cáo phân tích về công ty đó.
7. Trưởng phòng họp phòng phân tích, tổ chức đánh giá các báo cáo của các cán bộ phân tích.
8. Cán bộ phân tích hoàn thiện và đưa ra sản phẩm cuối cùng là báo cáo phân tích công ty đó.

Sau khi đã tiến hành thu thập, phân tích số liệu, lập báo cáo phân tích. Cán bộ tự doanh sẽ kiểm tra danh mục cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh hiện có, nguồn vốn của Công ty, các điều kiện, hạn mức đầu tư theo quy định tại Quy chế hoạt động đầu tư.

Lựa chọn cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh đáp ứng các điều kiện theo đúng quy định và báo cáo Lãnh đạo Phòng Tự doanh về cổ phiếu/CCQ dự kiến đề xuất đầu tư.

Ví dụ minh họa: Xây dựng phương án đầu tư mã chứng khoán DBC

a. Phân tích cơ bản

Bảng 2.1: Phân tích cơ bản Cổ phiếu DBC của Công ty

Phân tích vĩ mô	<ul style="list-style-type: none"> - Căng thẳng giữa Nga - Ukraine ngày càng nghiêm trọng và chưa có khả năng dừng lại - Các nước sản xuất ngô lớn ở Nam Mỹ, Châu Âu chịu tác động bởi biến động khí hậu và khủng hoảng năng lượng khiến chi phí tăng cao - Áp lực tỷ giá cũng là áp lực lên giá nguyên liệu nhập khẩu - Việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ tạo cơ hội cho xuất khẩu, đặc biệt là thịt lợn hơi sang Trung Quốc <p>=> Dự báo giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sẽ tăng trong thời gian tới, nhu cầu về thịt lợn cũng gia tăng</p>
Phân tích ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thịt lợn sẽ tăng do nhu cầu tiêu thụ dịp cuối năm và Tết tăng cao - Trong 11 tháng đầu năm 2022, sản lượng chăn nuôi lợn hơi tăng 12,4% so với cùng kỳ (quý 1 tăng 4,3% so với cùng kỳ, quý 2 tăng 7% so với cùng kỳ và quý 3 tăng 7% so với cùng kỳ). - Việc triển khai tiêm phòng ngăn ngừa dịch bệnh sẽ đi vào thử nghiệm làm giảm tác động tiêu cực đến lượng cung và cầu thịt lợn
Phân tích doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trong 9 tháng đầu năm, mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi bị suy giảm lợi nhuận nhưng nhờ các dự án bất động sản hoàn thành và hạch toán 843 tỷ đồng doanh thu và 364 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong quý 3 giúp DBC đạt lợi nhuận trước thuế lũy kế 305,5 tỷ đồng. - Theo báo cáo tài chính quý 3, doanh thu đạt 3.566,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 250,4 tỷ đồng tăng lần lượt 33% và 48,3% so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu đạt 9.339,1 tỷ đồng tăng 20,5% và lợi nhuận trước thuế đạt 305,5 tỷ đồng.

<ul style="list-style-type: none"> - Dự báo doanh thu quý 4 đạt 2.221 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt mức 26 tỷ đồng, đưa doanh thu cả năm lên mức 11,561 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 331 tỷ đồng, tăng 6,9% về doanh thu - Khoản phải thu, hàng tồn kho vẫn được kiểm soát tốt, không có sự biến động bất thường, lần lượt chiếm tỷ trọng 5,1% và 36,8% Tổng Tài sản. - Vay nợ ngắn và dài hạn tăng 876,9 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó nợ ngắn hạn tăng 769,4 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ vay/tổng nguồn vốn tăng so với 2021 nhưng vẫn ở mức thấp hơn trước năm 2020. - Vốn chủ sở hữu được gia tăng thêm 168,8 tỷ đồng từ lợi nhuận trong kỳ. - Trong dài hạn, chiến lược phát triển mô hình 3F của công ty sẽ đem lại sự ổn định và tăng trưởng. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, công ty có nền tảng tốt để vượt qua chu kỳ khó khăn của ngành tốt hơn với các công ty mới gia nhập khác.
--

Nguồn: Báo cáo phân tích của phòng tự doanh.

b. Định giá Cổ phiếu

Để định giá Cổ phiếu, trước tiên các cán bộ tự doanh sử dụng các số liệu đã thu thập và dự phóng kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp trong thời gian tới.

Bảng 2.2. Dự phóng kết quả hoạt động của DBC 2021 – 2026

Chỉ tiêu	Đơn vị	FY21A	FY22F	FY23F	FY 24F	FY25F	FY26F
	nghìn						
Giá heo hơi trung bình	VNĐ/kg	61,7	58,0	58,0	60,9	63,9	67,1
Sản lượng bán hàng	Nghìn tấn	683	683	713	767,6	802,5	840,7
- Thức ăn chăn nuôi	Nghìn tấn	606	606	636	686	717	749
- Thịt (quy đổi)	Nghìn tấn	77	77	69	73	78	83
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.813	11.561	11.102	12.246	13.273	14.395
Tăng trưởng d,thu	Tỷ đồng	7,9%	6,9%	-4,0%	10,3%	8,4%	8,5%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.853	1.295	1.046	1.382	1.549	1.738
EBIT	Tỷ đồng	1.162	514	296	542	639	736
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	980	331	43	282	392	496
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	830	298	38	254	353	446
Lợi nhuận CĐ CT mẹ	Tỷ đồng	830	298	38	254	353	446
Thu nhập cổ phần	Đồng	6.786	1.092	140	930	1.291	1.632
Tăng trưởng EPS	%	-45%	-84%	-87%	564%	39%	26%

Nguồn: Báo cáo phân tích của Phòng Tự doanh CTS

Sau đó, từ kết quả dự phóng, cán bộ tự doanh sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền FCFE và so sánh P/E, P/B các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và khu vực.

Bảng 2.3. Định giá Cổ phiếu bằng phương pháp DCF - FCFE

Định giá DCF - FCFE		
Chi phí vốn chủ sở hữu	%	20,23%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	1,00%
Hiện giá dòng tiền 2022-2026F	Tỷ đồng	2.987
Hiện giá dòng tiền sau năm 2026F	Tỷ đồng	1.031
Tiền tương đương tiền cuối năm 2022	Tỷ đồng	777
Giá trị doanh nghiệp	Tỷ đồng	7198,75
Vay nợ dài hạn cuối năm 2022	Tỷ đồng	687
Giá trị vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.230,3
Số lượng cổ phần	Cổ phần	242.001.859
Giá trị cổ phiếu	Đồng/cp	17.480

Nguồn: Báo cáo phân tích của Phòng Tự doanh CTS

Thị trường đang trong downtrend và công ty cũng đang trong chu kỳ giảm lợi nhuận. Do đó, tỷ trọng phương pháp P/E cao hơn (50%) do thị trường sẽ quan tâm đến lợi nhuận doanh nghiệp trong thời gian tới. Sau khi phân tích thu được kết quả định giá như sau:

Bảng 2.4. Kết quả định giá cổ phiếu DBC

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- DCF_FCFE	17.480
- P/E	8.943
- P/B	25.333
Giá trị trung bình	14.800

Nguồn: Báo cáo phân tích của Phòng Tự doanh CTS

c. Phân tích kỹ thuật



Biểu đồ 2.2. Phân tích kỹ thuật cổ phiếu DBC

Nguồn: Báo cáo khuyến nghị của CTS

Cổ phiếu DBC ghi nhận tín hiệu MACD dần tích cực từ 01/11/2022 kết hợp cùng với chỉ báo định hướng trung bình ADX hiện tại nằm ở mức 14,45 cho thấy tiềm năng tăng giá trong ngắn hạn.

=> Nhận định cổ phiếu DBC có thể biến động tích cực trong thời gian tới.

Bảng 2.5. Vùng giá mua theo phân tích kỹ thuật cổ phiếu DBC

Vùng giá mua	14.250 – 14.350 đồng	
Ngưỡng giá chốt lời mục tiêu 1	16.000 đồng	12%
Ngưỡng giá chốt lời mục tiêu 2	17.800 đồng	24%
Ngưỡng cắt lỗ	Giá đóng cửa dưới 12.600 đồng	

Nguồn: Báo cáo phân tích của Phòng Tự doanh CTS

Bước 2: Thẩm định

Sau khi tìm kiếm, phân tích cơ hội đầu tư và xây dựng phương án kinh doanh, để tiến hành đầu tư cổ phiếu, các cán bộ tự doanh gửi phương án kinh doanh đến phòng quản trị rủi ro để thực hiện thẩm định phương án kinh doanh.

Cán bộ quản trị rủi ro sẽ thực hiện phân tích, đánh giá, thẩm định độc lập PAKD theo đề xuất của Phòng tự doanh trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được

đề nghị. Thời gian thực hiện thẩm định, đánh giá độc lập có thể được kéo dài nếu có ý kiến chấp thuận của Lãnh đạo phụ trách Phòng tự doanh.

Ý kiến đánh giá, thẩm định, phân tích độc lập của Phòng/Bộ phận QTRR phải được lập thành văn bản có chữ ký của Lãnh đạo Phòng/Bộ phận QTRR.

Ví dụ minh họa thẩm định về những rủi ro được đề xuất khi tiến hành đầu tư vào cổ phiếu DBC:

- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng giá làm giảm biên lợi nhuận gộp: tình hình địa chính trị vẫn phức tạp, diễn biến lạm phát và tỷ giá vẫn đang trong giai đoạn phức tạp. Giá nông sản nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi có thể biến động mạnh.

- Dịch bệnh gia súc, gia cầm làm ảnh hưởng đến sản xuất con giống, chăn nuôi và tái đàn.

- Vấn đề thủ tục, pháp lý có thể phát sinh tại các dự án bất động sản đang triển khai liên quan đến mở rộng quy mô sản xuất của công ty.

Bước 3: Phê duyệt

Sau khi có ý kiến đánh giá và thẩm định từ phòng Quản trị rủi ro, cán bộ Tự doanh tiếp tục thực hiện trình PAKD lên Cấp có thẩm quyền quyết định

- Trường hợp PAKD thuộc thẩm quyền phán quyết của TGD/QTGD: TGD/QTGD quyết định thực hiện PAKD và chỉ đạo Phòng Tự doanh triển khai thực hiện phương án. Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung thông tin, chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện phương án trước khi phê duyệt, quyết định. Trường hợp TGD/QTGD không đồng ý thực hiện PAKD, chuyển trả lại hồ sơ cho Phòng Tự doanh

- Trường hợp PAKD vượt thẩm quyền phán quyết của TGD/QTGD: Sau khi Thư ký HĐQT gửi email/báo cáo bằng văn bản đề xuất Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT để rà soát, thẩm định, nêu ý kiến về PAKD theo đề xuất của Phòng Tự doanh & BLPH, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Thư ký HĐQT gửi tài liệu và thông báo triệu tập họp HĐQT để lấy ý kiến với PAKD.

+ Trường hợp HĐQT không yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thông tin: Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký tờ trình, trình HĐQT xem xét quyết định PAKD.

+ Trường hợp HĐQT yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thông tin: chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện phương án.

- Trường hợp HĐQT đồng ý thực hiện PAKD: HĐQT phê duyệt PAKD bằng Nghị quyết HĐQT và chuyển hồ sơ cho Phòng Tự doanh triển khai thực hiện PAKD. Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung thông tin trong PAKD, chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện PAKD, lấy ý kiến của PTGD và HĐQT với phương án đã được chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình HĐQT phê duyệt.

- Trường hợp HĐQT không đồng ý thực hiện PAKD: HĐQT ra quyết định bằng Nghị quyết HĐQT/Biên bản HĐQT (nếu có) và chuyển trả hồ sơ cho Phòng Tự doanh để lưu trữ.

Bước 4: Thực hiện phương án kinh doanh

Sau khi được Cấp có thẩm quyền thông qua phương án kinh doanh, cán bộ Tự doanh thông báo kế hoạch giao dịch cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh cho Phòng KTTC, Phòng KDV qua hệ thống email nội bộ của Công ty để cân đối nguồn vốn giao dịch hoặc thực hiện chuyển tiền ký quỹ khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh. Phối hợp với Phòng KTTC, Phòng KDV để xác định hạn mức vốn có thể thực hiện giao dịch hàng ngày.

- Trường hợp chứng khoán hiện có đang được cầm cố/phong tỏa làm tài sản bảo đảm tại các tổ chức tín dụng, đề nghị Phòng KDV thực hiện giải tỏa để bán theo đúng kế hoạch và PAKD đã được phê duyệt.

- Trước mỗi phiên giao dịch, kiểm tra trạng thái danh mục chứng khoán hiện có: số lượng chứng khoán có thể giao dịch; giá giao dịch đề xuất; giá thị trường; giá trị đã đầu tư; lãi lỗ trên danh mục,...

- Cập nhật tin tức về kinh tế, thị trường, chứng khoán hàng ngày, báo cáo Lãnh đạo Phòng Tự doanh và đề xuất phương án giao dịch theo ngày.

- Trong phiên giao dịch: theo dõi diễn biến thị trường, thực hiện đặt lệnh giao dịch theo chỉ đạo của Lãnh đạo Phòng Tự doanh và theo đúng PAKD đã được thông qua.

- Thường xuyên theo dõi trạng thái danh mục chứng khoán hiện có, kiểm tra các giới hạn phòng ngừa rủi ro để kịp thời báo cáo và đề xuất phương án xử lý lên Cấp có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp chứng khoán đầu tư có khả năng đạt giới hạn lãi/lỗ theo quy định tại Quy chế hoạt động đầu tư.

- Viết phiếu lệnh, trình Người đại diện theo pháp luật của Công ty/Người được ủy quyền đặt lệnh ký phiếu lệnh trong trường hợp không trực tiếp đặt lệnh online mà đặt lệnh qua bộ phận hỗ trợ đặt lệnh cho Phòng Tự doanh.

- Kết thúc phiên giao dịch, nhận Thông báo kết quả khớp lệnh và báo cáo lãi/lỗ vị thế chứng khoán phái sinh từ bộ phận quản lý, hỗ trợ đặt lệnh cho Phòng Tự doanh để chuyển cho Phòng KTTC làm cơ sở hạch toán giao dịch và bổ sung ký quỹ (nếu cần).

- Báo cáo Lãnh đạo Phòng Tự doanh các vấn đề phát sinh khác (nếu có) trong quá trình thực hiện PAKD.

Bước 5: Báo cáo và lưu trữ hồ sơ

- Kết thúc phiên giao dịch, lập Báo cáo trạng thái danh mục tự doanh cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh hàng ngày, gửi email báo cáo Lãnh đạo Phòng Tự doanh và TGD/QTGD/PTGD phụ trách. Báo cáo trạng thái danh mục hàng ngày phải đảm bảo cập nhật khối lượng giao dịch trong ngày, cập nhật giá thị trường khi kết thúc phiên giao dịch, cập nhật các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán trong danh mục làm cơ sở xác định hiệu quả và trạng thái danh mục đầu tư hàng ngày.

- Cuối mỗi tháng, nhận Sở lệnh giao dịch từ bộ phận hỗ trợ quản lý, đặt lệnh giao dịch cho Phòng Tự doanh hoặc in từ hệ thống dữ liệu của Công ty làm cơ sở theo dõi, tổng hợp giao dịch phát sinh trong tháng.

- Lập Báo cáo giao dịch cổ phiếu/CCQ/chứng khoán phái sinh niêm yết, đăng ký giao dịch hàng ngày (nếu có) gửi Phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ tổng hợp gửi các Cơ quan chức năng theo yêu cầu.

- Báo cáo TGD/QTGD/PTGD phụ trách về kết quả thực hiện PAKD đã được phê duyệt;

- Kiểm tra, rà soát Báo cáo trạng thái danh mục tự doanh cổ phiếu/CCQ hàng ngày, Báo cáo giao dịch cổ phiếu/CCQ niêm yết, đăng ký giao dịch hàng ngày.

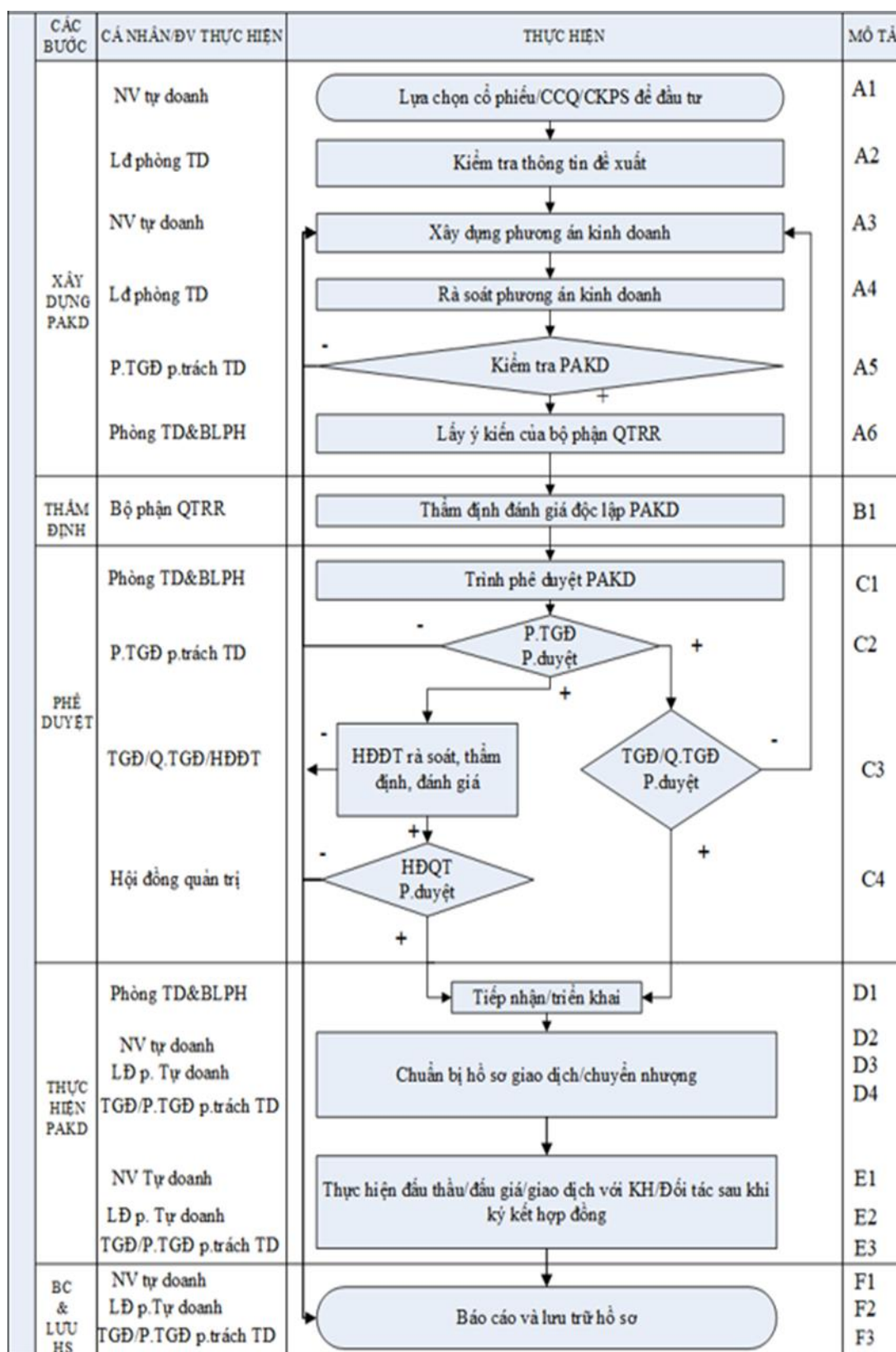
- Kiểm tra, rà soát các báo cáo khác có liên quan đến cổ phiếu/CCQ định kỳ và đột xuất trình Ban lãnh đạo Công ty và/hoặc gửi các cơ quan chức năng theo yêu cầu.

- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ có liên quan đến PAKD.

2.2.1.2. Quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh chưa niêm yết/đăng ký giao dịch tại Công ty

Cũng tương tự như quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch, quy trình đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh chưa niêm yết/đăng ký giao dịch cũng có 05 bước cơ bản: Xây dựng phương án kinh doanh; Thẩm định; Phê duyệt; Thực hiện phương án kinh doanh và Báo cáo lưu hồ sơ.

Tuy nhiên, có một số bước cơ bản khác với quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch. Cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.3. Quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh chưa

niêm yết/đăng ký giao dịch tại CTS

Nguồn: Quy trình, phiệp vụ Tự doanh của CTS

Bước 1: Xây dựng phương án kinh doanh

Ngoài việc lựa chọn cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh để đầu tư, cán bộ tự doanh còn cần:

- Tìm hiểu và kiểm tra các quy định liên quan đến việc mua/bán cổ phiếu chưa giao dịch trên sàn niêm yết/đăng ký giao dịch, phương thức giao dịch và điều kiện, thủ tục thực hiện giao dịch.

+ Trường hợp cổ phiếu/CCQ dự kiến đề xuất mua được thực hiện giao dịch theo phương thức đấu giá, tìm hiểu các thủ tục, hồ sơ đấu giá do TCPH hoặc đơn vị tổ chức đấu giá công bố thông tin cho nhà đầu tư. Trường hợp thực hiện bán cổ phiếu/CCQ theo phương thức đấu giá, phối hợp với Phòng Tư vấn TCDN tìm hiểu thủ tục đấu giá theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

+ Trường hợp cổ phiếu/CCQ dự kiến đề xuất đầu tư được thực hiện giao dịch chuyển nhượng tại TCPH hoặc đơn vị được TCPH ủy quyền quản lý cổ đông, tìm hiểu thủ tục thực hiện giao dịch tại các đơn vị này.

- Kiểm tra tư cách pháp lý, thẩm quyền thực hiện giao dịch của KH, đối tác dự kiến giao dịch (nếu có).

- Kiểm tra danh mục cổ phiếu/CCQ hiện có, nguồn vốn của Công ty, các điều kiện, hạn mức đầu tư theo quy định tại Quy chế hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành.

- Quyết định các cổ phiếu/CCQ thực hiện đề xuất đầu tư trên cơ sở phù hợp với mục tiêu, định hướng, chiến lược của Công ty trong từng thời kỳ.

- Xây dựng PAKD đề xuất mua/bán cổ phiếu/CCQ. PAKD phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế hoạt động đầu tư. Đồng thời PAKD phải đề xuất: lý do thực hiện mua/bán cổ phiếu/CCQ; loại chứng khoán đề xuất; mức giá tối đa/tối thiểu dự kiến mua/bán; khối lượng mua/bán tối đa; giá dự kiến chốt lãi/cắt lỗ; thời gian dự kiến đầu tư; phương thức giao dịch dự kiến.

Bước 2: Thẩm định

Tương tự như cổ phiếu/CCQ niêm yết Phòng quản trị rủi ro tiếp nhận phương án kinh doanh và thực hiện thẩm định/đánh giá PAKD và các hồ sơ liên quan theo đề xuất của Phòng Tự doanh trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

Bước 3: Phê duyệt

Tương tự như cổ phiếu/CCQ niêm yết, Cán bộ Tự doanh trình phương án Kinh doanh sau khi được thẩm định lên Cấp có thẩm quyền quyết định:

Bảng 2.6. Phê duyệt phương án kinh doanh đầu tư cổ phiếu/CCQ chưa niêm yết của CTS

	Thẩm quyền phán quyết của TGD/QTGD	Vượt thẩm quyền phán quyết của TGD/QTGD
Đồng ý thực hiện	Chỉ đạo Phòng Tự doanh triển khai thực hiện phương án. Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung thông tin, chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện phương án trước khi phê duyệt, quyết định.	Thành lập HĐĐT để rà soát, thẩm định, nêu ý kiến về PAKD theo đề xuất của Phòng Tự doanh - Trường hợp HĐĐT không yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thông tin: Chủ tịch HĐĐT thay mặt HĐĐT ký tờ trình, trình HĐQT xem xét quyết định PAKD. - Trường hợp HĐĐT yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thông tin: chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện phương án. Trường hợp HĐQT đồng ý thực hiện PAKD: HĐQT phê duyệt PAKD bằng Nghị quyết HĐQT và chuyển hồ sơ cho Tự doanh triển khai thực hiện PAKD. Trường hợp cần chỉnh sửa, bổ sung thông tin trong PAKD, chuyển trả PAKD cho Phòng Tự doanh chỉnh sửa, hoàn thiện PAKD, lấy ý kiến của PTGD và HĐĐT với phương án đã được chỉnh sửa, bổ sung trước khi trình HĐQT phê duyệt.
Không đồng ý thực hiện	Chuyển trả lại hồ sơ cho Phòng Tự doanh	HĐQT ra quyết định bằng Nghị quyết HĐQT/Biên bản HĐQT (nếu có) và chuyển trả hồ sơ cho Phòng Tự doanh để lưu trữ.

Nguồn: Quy trình, nghiệp vụ Tự doanh CTS

Bước 4: Thực hiện phương án kinh doanh

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án kinh doanh, Phòng Tự doanh tiến hành thực hiện phương án kinh doanh như sau:

Bảng 2.7. Thực hiện phương án kinh doanh đầu tư cổ phiếu/CCQ chưa niêm yết của CTS

Mua cổ phiếu/CCQ chưa giao dịch trên sàn niêm yết/đăng ký giao dịch	Bán cổ phiếu/CCQ chưa giao dịch trên sàn niêm yết/đăng ký giao dịch
<p>- Căn cứ PAKD đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thông báo cho Phòng KTTC và Phòng KDV về phương án dự kiến giao dịch qua hệ thống email nội bộ để thực hiện cân đối nguồn vốn.</p> <p>- Trường hợp thực hiện đầu tư theo phương thức đấu giá hoặc thực hiện quyền mua cổ phần:</p> <p>+ Thực hiện thủ tục đăng ký đấu giá/đăng ký quyền mua cổ phần tại các Đại lý đấu giá/TCPH/tổ chức được ủy quyền quản lý sổ cổ đông.</p> <p>+ Phối hợp với Phòng KTTC thực hiện thanh toán/nộp tiền đặt cọc mua cổ phần theo đúng quy định.</p> <p>+ Thu thập thông tin về số lượng nhà đầu tư tham gia đấu giá/ thực hiện quyền mua cổ phần và số lượng cổ phần/CCQ đăng ký mua (nếu có);</p> <p>+ Nhận phiếu đấu giá và các hồ sơ tài liệu khác theo quy định (nếu có), kiểm tra các thông tin trên phiếu và trên các hồ sơ tài liệu khác có liên</p>	<p>- Căn cứ PAKD đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thông báo cho Phòng KTTC và Phòng KDV về phương án dự kiến giao dịch qua hệ thống email nội bộ. - Trường hợp chứng khoán dự kiến bán hiện đang được cầm cố, phong tỏa làm tài sản bảo đảm tại, đề nghị Phòng KDV thực hiện giải tỏa tài sản trước khi bán.</p> <p>- Trường hợp thực hiện bán theo phương thức đấu giá:</p> <p>+ Thông báo cho phòng Tư vấn TCDN, phòng DVCK về phương án dự kiến giao dịch qua hệ thống email nội bộ</p> <p>+ Phối hợp cùng phòng Tư vấn TCDN xây dựng hồ sơ đấu giá để đăng ký với cơ quan QLNN (nếu cần), hồ sơ công bố thông tin tới các nhà đầu tư, hồ sơ báo cáo cơ quan QLNN (nếu cần) và các tài liệu khác liên quan đến việc đấu giá.</p> <p>- Trường hợp thực hiện bán cổ phiếu/CCQ trên thị trường OTC:</p> <p>+ Thực hiện đàm phán với KH/Đối tác về các điều khoản, điều kiện giao dịch, thanh toán.</p> <p>+ Đàm phán về các điều kiện giao dịch, thanh toán.</p> <p>+ Phối hợp với KH/Đối tác soạn thảo Hợp đồng,</p>

<p>quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào PAKD đã được phê duyệt, Nhân viên tự doanh đàm phán, trao đổi với KH/Đối tác dự kiến giao dịch. - Rà soát hợp đồng, văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ liên quan đến giao dịch (bao gồm cả hồ sơ liên quan đến đấu giá). - Ký kết hợp đồng, văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ tài liệu khác (nếu có) liên quan. 	<p>văn bản chuyển nhượng (nếu có), trình Lãnh đạo Phòng Tự doanh xem xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gửi bản dự thảo hợp đồng để lấy ý kiến của bộ phận pháp chế Công ty. + Tiến hành thủ tục xuất kho lưu ký chứng khoán tại Phòng DVCK Công ty đối với Sổ cổ đông/Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/CCQ của số cổ phiếu/CCQ thực hiện bán. + Ký kết hợp đồng với KH văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ tài liệu khác (nếu có) liên quan.
---	--

Nguồn: Quy trình, nghiệp vụ Tự doanh CTS

Bước 5: Báo cáo và lưu hồ sơ

Sau khi hoàn thiện các thủ tục mua bán chứng khoán chưa niêm yết, Phòng tự doanh tiếp tục tiến hành bước cuối cùng đó là báo cáo và lưu hồ sơ:

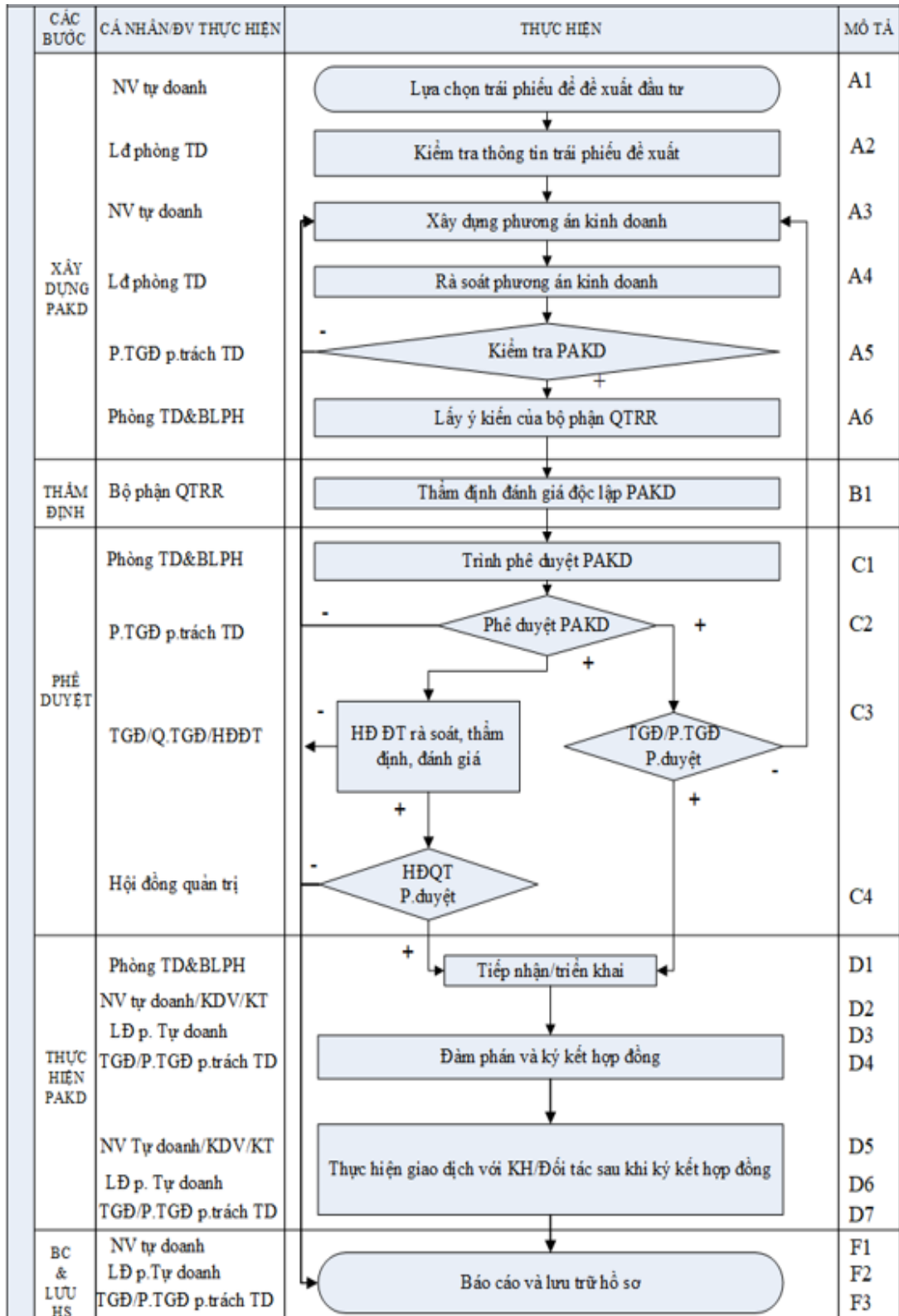
Bảng 2.8. Báo cáo và lưu hồ sơ đầu tư cổ phiếu/CCQ chưa niêm yết của CTS

	Mua chứng khoán chưa giao dịch trên sàn niêm yết/đăng ký giao dịch	Bán chứng khoán chưa giao dịch trên sàn niêm yết/đăng ký giao dịch
<p>Đầu tư theo phương thức đấu giá hoặc thực hiện quyền mua cổ phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thông báo kết quả đấu giá/thông báo kết quả đăng ký mua cổ phần. + Trường hợp trúng đấu giá hoặc được quyền mua, phối hợp với Phòng KTTC thực hiện chuyển tiền thanh toán tiền mua cổ phần/CCQ theo đúng quy định. + Trường hợp không trúng đấu giá phối hợp với Phòng KTTC nhận lại tiền đặt cọc theo đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Phòng Tư vấn TCDN và Phòng KTTC thực hiện nhận tiền đặt cọc (nếu có). - Nhận kết quả đấu giá từ phòng Tư vấn TCDN. - Phối hợp với Phòng Tư vấn TCDN và Phòng KTTC thực hiện nhận tiền bán cổ phần/CCQ. - Phối hợp với phòng Tư vấn TCDN thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu/CCQ tại

	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thủ tục nhận giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/sổ cổ đông sau khi trúng đấu giá và thực hiện quyền mua. Thực hiện thủ tục lưu kho, lưu ký chứng khoán tại Phòng DVCK Công ty theo đúng quy định. 	<p>TCPH/tổ chức được ủy quyền quản lý sổ cổ đông cho nhà đầu tư trúng đấu giá theo quy định.</p>
Đầu tư trên thị trường OTC	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Phòng KTTC thực hiện chuyển tiền đặt cọc (nếu có) và thanh toán tiền mua chứng khoán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. - Tiến hành thủ tục nhập kho lưu ký chứng khoán tại Phòng DVCK Công ty ngay sau khi nhận được Sổ cổ đông/Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/CCQ. - Lập báo cáo hoạt động tự doanh cổ phiếu/CCQ và trạng thái danh mục đầu tư cổ phiếu/CCQ hàng ngày hoặc định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty và cơ quan chức năng (nếu có). - Báo cáo về kết quả thực hiện PAKD đã được phê duyệt và đánh giá, đề xuất trường hợp PAKD đạt giá mục tiêu hoặc chạm các mức giá lỗ/lãi theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập tờ trình đề nghị xuất kho CNSH chứng khoán - Thực hiện thủ tục chuyển nhượng tại TCPH/tổ chức được ủy quyền quản lý sổ cổ đông theo đúng quy định. - Phối hợp với Phòng KTTC thực hiện nhận tiền đặt cọc (nếu có) và nhận tiền bán chứng khoán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. - Lập báo cáo hoạt động tự doanh cổ phiếu/CCQ và trạng thái danh mục đầu tư cổ phiếu/CCQ hàng ngày hoặc định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty và cơ quan chức năng (nếu có). - Báo cáo về kết quả thực hiện PAKD đã được phê duyệt và đánh giá, đề xuất trường hợp PAKD đạt giá mục tiêu hoặc chạm các mức giá lỗ/lãi theo quy định

Nguồn: Quy trình, nghiệp vụ Tự doanh CTS

2.2.1.3. Quy trình đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tại Công ty



Sơ đồ 2.4. Quy trình nghiệp vụ đầu tư Trái phiếu tại CTS

Nguồn: Quy trình, nghiệp vụ Tự doanh CTS

Cũng tương tự như quy trình đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh niêm yết/đăng ký giao dịch, chưa niêm yết/đăng ký giao dịch, quy trình đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp về cơ bản giống ở các bước: Xây dựng phương án kinh doanh; Thẩm định; Phê duyệt; Báo cáo và lưu hồ sơ

Đối với bước: Thực hiện phương án kinh doanh có một vài nội dung khác như sau:

- Căn cứ vào PAKD đã được phê duyệt, thực hiện đàm phán, trao đổi với KH/Đối tác về các điều khoản, điều kiện của trái phiếu, điều kiện giao dịch, thanh toán.

- Hoàn thiện thủ tục đăng ký mua trái phiếu tại TCPH/tổ chức phân phối trái phiếu (nếu có).

- Phối hợp với KH/Đối tác soạn thảo hợp đồng, văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ tài liệu khác (nếu có) liên quan đến giao dịch trái phiếu.

- rà soát hợp đồng, văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ khác (nếu có) liên quan đến giao dịch trái phiếu.

- Chỉ đạo nhân viên gửi hợp đồng, văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ khác (nếu có) để lấy ý kiến của bộ phận pháp chế Công ty (nếu cần).

- Ký kết hợp đồng, văn bản chuyển nhượng và các hồ sơ tài liệu khác (nếu có) liên quan đến việc giao dịch trái phiếu.

- Thực hiện giao dịch với KH sau khi hợp đồng được ký kết:

- + Đối với trái phiếu niêm yết: Viết phiếu lệnh, ký phiếu lệnh, gửi bộ phận đặt lệnh, nhận lại kết quả khớp lệnh, chuyển 01 (một) bản hợp đồng và Kết quả khớp lệnh cho Phòng KTTC thực hiện thanh toán tiền mua trái phiếu hoặc nhận tiền bán trái phiếu

- + Đối với trái phiếu chưa niêm yết: Thực hiện thủ tục xuất kho trái phiếu trong trường hợp bán trái phiếu; Chuyển 01 (một) bản hợp đồng đã ký kết với KH/Đối tác cho Phòng KTTC thực hiện thanh toán tiền mua trái phiếu hoặc nhận tiền bán trái phiếu. Trường hợp Công ty là tổ chức được ủy quyền chuyển nhượng trái phiếu, chuyển 01 (một) bản hợp đồng, văn bản đề nghị chuyển nhượng đã ký kết với KH/Đối tác cho bộ phận thực hiện thủ tục chuyển nhượng; Thực hiện thủ tục chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu tại TCPH/Tổ chức được ủy quyền chuyển nhượng trái phiếu; Phối hợp với Phòng KTTC thực hiện thủ tục thanh toán tiền giao dịch trái phiếu;

- Thực hiện thủ tục lưu kho trái phiếu trong trường hợp mua trái phiếu.

2.2.2. *Vốn và nguồn vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023*

2.2.2.1. *Vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty*

Bảng 2.9: *Vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023*

Chỉ tiêu/năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	1.326.633	1.317.091	1.371.988	1.476.409	1.855.744
Tốc độ tăng trưởng (%)		- 5,015	4,168	7,611	25,693

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019-2023 của Công ty

Việc có một lượng vốn đủ lớn là cực kỳ quan trọng đối với Công ty để đảm bảo khả năng duy trì tính ổn định trong môi trường tài chính biến động và đặc biệt là tham gia vào đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh. Trong giai đoạn 2019-2023, tổng vốn đầu tư luôn duy trì ổn định với tốc độ tăng trưởng trung bình là 8,11%. Năm 2020, đại dịch COVID-19 đã gây ra suy thoái kinh tế trên toàn thế giới, làm giảm hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán và giảm nhu cầu sử dụng các dịch vụ tài chính. Điều này đã dẫn đến giảm 5% tổng số vốn đầu tư so với năm 2019. Hai năm sau đó, tổng vốn đầu tư đã lần lượt tăng lên 4% và 7%. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng của tổng vốn đầu tư năm 2023 tăng mạnh khoảng 26% nhờ vào sự tăng trưởng kinh tế.

2.2.2.2. *Nguồn vốn chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty*

Một nguồn vốn dồi dào và ổn định là điều kiện vô cùng cần thiết để công ty chứng khoán thực hiện hoạt động đầu tư chứng khoán có hiệu quả. Vốn dành cho hoạt động tự doanh của CTS được hình thành từ các nguồn sau:

Bảng 2.10: Nguồn vốn đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty giai đoạn 2019-2023

Nguồn vốn	2019	2020	2021	2022	2023
1. Vốn chủ sở hữu (Triệu đồng)	1.156.856	1.152.585	1.172.658	1.175.658	1.489.557
Tỷ trọng (%)	83,43	87,51	85,47	79,63	80,27
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Triệu đồng)	38.541	40.820	43.374	47.165	60.674
Tỷ trọng (%)	2,78	3,10	3,16	3,19	3,27
3. Lợi nhuận chưa phân phối (Triệu đồng)	121.236	123.686	155.957	253.586	305.513
Tỷ trọng (%)	13,8	9,4	11,4	17,2	16,5
Tổng	1.386.633	1.317.091	1.371.988	1.476.409	1.855.744

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019 - 2023 của Công ty

Xuyên suốt trong giai đoạn 2019 – 2023, vốn đầu tư cho hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của công ty chủ yếu đến từ nguồn vốn chủ sở hữu và tiếp đến là lợi nhuận chưa phân phối. Trong 5 năm qua, tỷ trọng của vốn chủ sở hữu chiếm khoảng 80% và tỷ trọng của lợi nhuận chưa phân phối chiếm 11%-16%. Đây là nguồn vốn khá an toàn cho công ty tuy nhiên lượng vốn không nhiều nên chưa thể đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn. Công ty mới chỉ đầu tư chênh lệch giá và cổ tức trong ngắn hạn.

Nhìn chung, Nguồn vốn cho hoạt động đầu tư chứng khoán của công ty có xu hướng tăng. Nguồn vốn tăng chủ yếu do nguồn vốn chủ sở hữu tăng từ 1.156.856 triệu đồng năm 2019 lên 1.489.557 triệu đồng năm 2023. Bên cạnh đó, lợi nhuận chưa phân phối cũng tăng góp phần bổ sung vào nguồn vốn cho hoạt động đầu tư. Điều này cũng cho thấy việc kinh doanh của công ty đang ngày càng tốt. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ cũng tăng đều theo các năm.

2.2.3. Nội dung đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023

2.2.3.1. Đầu tư vào cổ phiếu

a. Tổng vốn đầu tư vào cổ phiếu

Bảng 2.11: Vốn đầu tư vào cổ phiếu tại Công ty giai đoạn 2019-2023

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	724.290	509.532	564.810	723.792	1.075.659
- Vốn đầu tư Cổ phiếu niêm yết (triệu đồng)	513.633	313.791	449.205	608.218	966.093
Tỷ trọng (%)	70,92	61,58	79,53	84,03	89,81
- Vốn đầu tư Cổ phiếu chưa niêm yết (Triệu đồng)	210.657	195.741	115.605	115.574	109.566
Tỷ trọng (%)	29,08	38,42	20,43	15,97	10,19

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019- 2023 của Công ty

Bảng 2.12: Tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư vào cổ phiếu của Công ty giai đoạn 2019-2023

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	724.290	509.532	564.810	723.792	1.075.659
2. Vốn đầu tư Cổ phiếu niêm yết (triệu đồng)	513.633	313.791	449.205	608.218	966.093
Tốc độ tăng trưởng (%)		- 38,91	43,15	35,40	58,84
3. Vốn đầu tư Cổ phiếu chưa niêm yết (Triệu đồng)	210.657	195.741	115.605	115.574	109.566
Tốc độ tăng trưởng (%)		-7,08	-40,94	-0,03	-5,20

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019- 2023 của Công ty

Nhìn chung, vốn dành cho hoạt động đầu tư cổ phiếu của Công ty luôn dồi dào, duy trì khá ổn định và tốc độ tăng trưởng trung bình là 14,49% qua các năm. Đối với cổ phiếu niêm yết, CTS đầu tư vào những Công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, ít chịu ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường, có tiềm năng phát triển ổn định. Bên cạnh đó CTS cũng đầu tư một số chứng khoán của những công ty vốn hóa trung bình, nhưng mức tăng trưởng về lợi nhuận cũng tương đối tốt. Đối với nhóm cổ phiếu chưa niêm yết, CTS đầu tư vào những doanh nghiệp có vốn hóa nhỏ, tỷ lệ cổ tức không cao, lợi nhuận có năm còn âm, nhưng cổ phiếu vẫn thể hiện giá trị nội tại nhất định, là những doanh nghiệp trẻ và có khả năng tăng trưởng mạnh mẽ.

Năm 2023 là một năm có diễn biến tích cực từ thị trường cổ phiếu, điều này đã tạo ra một hiệu ứng tích cực, thúc đẩy hoạt động đầu tư Cổ phiếu. Cụ thể, tổng vốn đầu tư cổ phiếu là khoảng 1.075.659 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư cổ phiếu niêm yết là 966.093 triệu đồng chiếm 89,81% tổng vốn đầu tư, vốn đầu tư cho cổ phiếu chưa niêm yết là 109.566 triệu đồng; chiếm 10,19%. So với năm 2022, tổng vốn đầu tư cho cổ phiếu tăng 48,6%, vốn đầu tư cho cổ phiếu niêm yết tăng mạnh 58,84%. Tuy nhiên, vốn đầu tư cho cổ phiếu chưa niêm yết giảm 5,2%. Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Công ty đã tập trung vào các cơ hội đầu tư có tính thanh khoản cao hơn như cổ phiếu niêm yết để giảm thiểu rủi ro. Do vậy, so với năm 2020, vốn đầu tư cổ phiếu niêm yết tăng mạnh 43,15% và vốn đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết giảm sâu 40,94%.

b. Danh mục đầu tư Cổ phiếu của Công ty

**Bảng 2.13. Danh mục đầu tư Cổ phiếu tiêu biểu của Công ty
giai đoạn 2019-2023**

Đơn vị: triệu đồng

Tổ chức phát hành	2019	2020	2021	2022	2023
CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	94.709	94.709	94.709	94.709	94.709
CTCP Kiên Hùng	15.063	15.063	15.063	15.063	15.063
CTCP CMC	110.032	0	0	0	0
CTCP Hoàng Anh Gia Lai	178.759	178.759	16.821	0	0
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng tàu	27.880	25.092	15.690	12.479	0
CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	6.689	0	92.498	37.423	37.423
CTCP Ô tô Trường Hải	0,00	71.907	71.907	71.907	47.809
Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	35.065	35.065	35.065	35.065	35.065
Cổ phiếu khác	256.093	183.646	223.057	457.146	845.590

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 - 2023 của Công ty

Trong giai đoạn năm 2019-2023, Công ty luôn nắm giữ cổ phiếu của 3 công ty: CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, CTCP Kiên Hùng và Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ. Những cổ phiếu này hiện đang dẫn đầu trong khối các doanh nghiệp cùng ngành về lượng giao dịch trên thị trường.

Năm 2020, CTCP Hoàng Anh Gia Lai (mã cổ phiếu: HAG) báo lỗ khủng do kinh doanh dưới giá vốn nên ghi nhận lỗ gộp 168 tỷ đồng cùng khoản chi phí doanh nghiệp tăng mạnh 3,3 lần lên đến 920 tỷ đồng. Bên cạnh đó, HAG phải bán 47,5 triệu cổ phiếu của công ty con nhằm cơ cấu các khoản nợ tại các Ngân hàng. Do vậy, từ năm 2021, với tình hình kết quả kinh doanh không khả quan và có nhiều rủi ro trong thị trường đầy

biến động, Công ty không tiếp tục đầu tư nhiều vào cổ phiếu của CTCP Hoàng Anh Gia Lai và kết thúc đầu tư vào năm 2022.

Năm 2019, CTCP CMC chủ yếu tập trung đầu tư vào các lĩnh vực cốt lõi là giải pháp công nghệ, viễn thông, kinh doanh quốc tế và không có chiến lược mới mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh phân phối thương mại. Doanh thu thuần của CMC Group đạt gần 1.107 tỷ đồng, giảm 8% so với năm trước. Vì vậy, cúng bối cảnh COVID 19 vào năm 2020, CTS nhận thấy những tiềm ẩn rủi ro lớn của CTCP CMC và đã quyết định rút hết vốn đầu tư từ năm 2020.

Đối với cổ phiếu của CTCP Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu (mã cổ phiếu: HDC), CTS vẫn duy trì nắm giữ cổ phiếu trong giai đoạn 2019-2022. Tuy nhiên, năm 2022 HDC đặt kế hoạch kinh doanh với giá trị đầu tư 4.189 tỷ đồng, doanh thu 1.913 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 429,8 tỷ đồng. Kết thúc năm 2022, tất cả 3 kế hoạch đều không hoàn thành, tỷ lệ hoàn thành lần lượt là 31,7%, 81,44% và 97,85% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao cho ban Điều hành. Mặt khác, từ năm 2017, HDC không trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông. Chính vì những lý do đó, Công ty đã quyết định dừng đầu tư vào năm 2023.

Theo giải trình của CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam (mã cổ phiếu: DBC), quý 4/2019, giá lợn thịt tăng trở lại sau một thời gian dài gần 10 tháng chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi. Tuy nhiên, do kết quả kinh doanh cả năm không tốt nên Công ty đã dừng đầu tư vào năm 2020. Sau khi hồi phục kinh tế vào năm 2021, Công ty đã tiếp tục rót vốn đầu tư 92.498 triệu đồng vào DBC. Đến năm 2022, Vốn đầu tư vào Cổ phiếu của CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam giảm 60% là do giá bị điều chỉnh giảm mạnh cùng với xu hướng chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đối với cổ phiếu của CTCP Ô tô Trường Hải (mã cổ phiếu: THA), CTS bắt đầu đầu tư vào năm 2020 và nắm giữ 3 năm liên tiếp. Năm 2022, số liệu kinh doanh của ông lớn ngành sản xuất ô tô Việt Nam không mấy khả quan khi lợi nhuận nửa đầu năm ghi nhận 1.076 tỷ đồng, giảm 78%. Do vậy, Vốn đầu tư năm 2023 đã giảm 33,5% từ 71.907 triệu xuống còn 47.809 triệu đồng.

2.2.3.2. Đầu tư vào trái phiếu

Bảng 2.14: Vốn đầu tư vào trái phiếu tại Công ty giai đoạn 2019-2023

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng vốn đầu tư trái phiếu (triệu đồng)	662.343	807.559	807.178	752.617	780.085
- Vốn đầu tư Trái phiếu niêm yết (Triệu đồng)	0	0	0	231.017	285.485
Tỷ trọng (%)	0,00	0,00	0,00	30,70	36,60
- Vốn đầu tư Trái phiếu chưa niêm yết (Triệu đồng)	662.343	807.559	807.178	521.600	494.600
Tỷ trọng (%)	100	100	100	69,30	63,40

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019 - 2023 của Công ty

**Bảng 2.15: Tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư vào trái phiếu tại Công ty
giai đoạn 2019-2023**

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
1. Tổng vốn đầu tư trái phiếu (Triệu đồng)	662.343	807.559	807.178	752.617	780.085
Tốc độ tăng trưởng (%)		21,9%	-0,047%	-6,8%	3,6%
2. Vốn đầu tư Trái phiếu niêm yết (Triệu đồng)	0	0	0	231.017	285.485
Tốc độ tăng trưởng (%)	0,00	0,00	0,00	0,00	23,58
3. Vốn đầu tư Trái phiếu chưa niêm yết (Triệu đồng)	662.343	807.559	807.178	521.600	494.600
Tốc độ tăng trưởng (%)		21,9	- 0,047	- 35,4	- 5,2

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019 - 2023 của Công ty

Hoạt động đầu tư trái phiếu của được tiến hành chủ yếu dựa trên giao dịch mua bán trên thị trường thứ cấp. Bên cạnh đó, CTS cũng tiến hành giao dịch lần đầu trên thị trường sơ cấp thông qua đấu thầu và bảo lãnh phát hành. CTS chủ yếu đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh. Trái phiếu doanh nghiệp cũng được đầu tư tuy nhiên công ty chỉ đầu tư trái phiếu của các doanh nghiệp được xếp hạng uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

Trong giai đoạn 2019-2023, nguồn vốn đầu tư trái phiếu được duy trì ở mức ổn định từ 600.000-800.000 triệu đồng với tốc độ tăng trưởng trung bình là 4,6%. Trước bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vào năm 2020 và 2021, thị trường trái phiếu có nhiều biến động về lãi suất và giá. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ vững mục tiêu đầu tư trái phiếu với nguồn vốn dồi dào. Cụ thể, tổng vốn đầu tư trái phiếu vào năm 2020 và 2021 đều hơn 800.000 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào trái phiếu chưa niêm yết.

Năm 2023, Công ty thực hiện đầu tư mới trái phiếu doanh nghiệp 400 tỷ, giá trị danh mục trái phiếu chưa niêm yết tại 31/12/2023 đạt 494,6 tỷ đồng.

**Bảng 2.16. Danh mục đầu tư Trái phiếu chưa niêm yết của Công ty
tính đến ngày 31/12/2023**

STT	Mã Trái phiếu	Tên Tổ chức phát hành	Số lượng	Giá trị (Triệu đồng)	Thời hạn đáo hạn
1	TALCH2325001	Công ty cổ phần đầu tư Bất động sản Taseco	1.100	110.000	30/05/2025
3	HDCH2224001	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	300	30.000	31/10/2024
4	HDCH2224002	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	700	70.000	30/12/2024
5	IDHCH2131001_1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển thủy điện Đăk Psi	1.300.000	130.000	15/03/2031
6	HBCH2225002	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	646	64.600	31/10/2025
7	TALCH2325001	Công ty cổ phần đầu tư Bất động sản Taseco	900	90.000	30/05/2025
	Tổng			494.600	

Nguồn: Phòng Tự doanh CTS

2.2.4. Công tác quản lý hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019-2023

2.2.4.1. Công tác quản lý quy trình đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của một CTCK thì việc quản lý quy trình đầu tư là một phần quan trọng trong việc đạt được hiệu quả và lợi nhuận tối đa. Một quy trình đầu tư chuẩn mực giúp công ty xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến các giao dịch chứng khoán. Điều này giúp bảo vệ tài sản của công ty và giảm thiểu các tổn thất tiềm năng.

Ngay từ những bước đầu tiên trong quy trình, phòng Tự doanh và bảo lãnh phát hành kết hợp với phòng Quản trị rủi ro để thiết lập và tuân thủ các nguyên tắc đầu tư. Cụ thể là xác định mức độ rủi ro của mỗi chứng khoán. Bên cạnh đó, hai bộ phận phối hợp để thiết lập nguyên tắc giao dịch mua bán và thời điểm dừng đầu tư khi những tiềm ẩn rủi ro xảy ra. Ngoài ra, Công ty định kỳ đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư, so sánh với các chỉ số thị trường, mục tiêu đầu tư ban đầu và phân tích kết quả để rút ra bài học kinh nghiệm cho Công ty.

2.2.4.2. Công tác tổ chức hoạt động nghiên cứu và phân tích

- Thành lập tiểu ban phân tích trực thuộc phòng tự doanh tách biệt với nhân viên đi thu thập số liệu và thực hiện các giao dịch tự doanh. Số liệu được thu thập sau đó gửi về tiểu ban này, để cán bộ trong tiểu ban xử lý, phân tích và đánh giá một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- Bộ phận này phối hợp với phòng phân tích trong khối kinh doanh, về những số liệu và phân tích kinh tế vĩ mô, kinh tế ngành hay tình hình tài chính của doanh nghiệp nếu 2 bên cần có sự trao đổi thông tin, trên tinh thần vẫn đảm bảo các giao dịch của khách hàng vẫn được ưu tiên.

2.2.4.3. Công tác kiểm tra, kiểm soát

- Công ty thường xuyên kiểm soát các công đoạn trong quy trình tự doanh bằng những báo cáo của phòng hay những buổi thanh tra giám sát để phát hiện những bất thường, sai sót từ đó có sự điều chỉnh kịp thời.

- Thành viên ban giám sát, kiểm soát là những người có chuyên môn, kinh nghiệm, hiểu rõ quy chế, quy trình đầu tư và thực hiện, có sự quan sát nhạy bén.

2.2.4.4. Công tác quản lý rủi ro

- Công ty thành lập phòng Quản lý rủi ro để thực hiện giám sát, kiểm soát những rủi ro đối với một công ty chứng khoán. Bên cạnh đó, Phòng quản lý rủi ro kết hợp với phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành ban hành quy chế đầu tư. Từ đó, Công ty có thể có những phương án kiểm soát rủi ro

- Công ty luôn có chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng quản trị thông qua. Sau đó, các kế hoạch được triển khai đầy đủ theo quy trình.

2.3. Đánh giá chung về hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023

2.3.1. Kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty giai đoạn 2019 – 2023

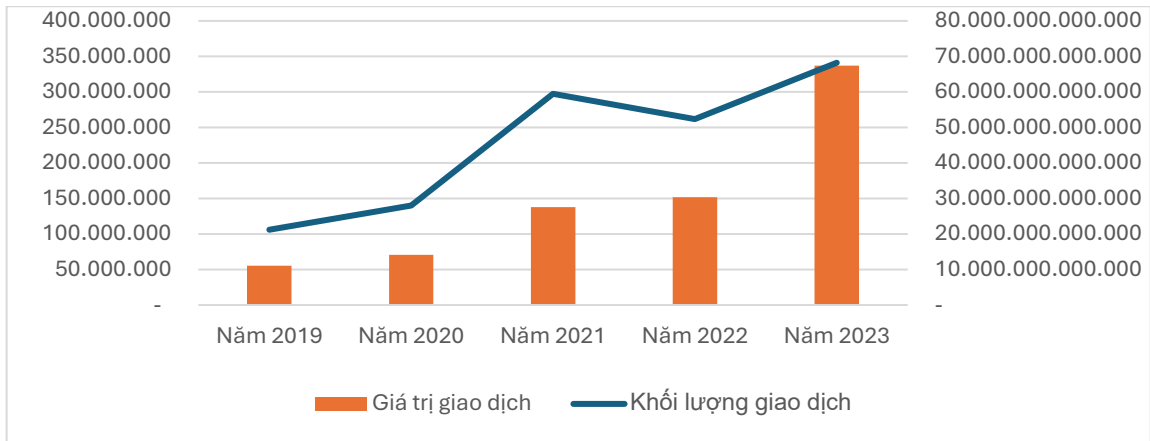
2.3.1.1. Kết quả

** Số lượng và giá trị giao dịch*

**Bảng 2.17: Số lượng và giá trị giao dịch chứng khoán của CTS
giai đoạn 2019 - 2023**

Năm	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Năm 2019	106.034.289	11.083.383.409.100
Năm 2020	140.244.960	14.127.804.449.800
Năm 2021	297.337.222	27.598.202.048.800
Năm 2022	261.720.247	30.362.337.648.436
Năm 2023	341.075.704	67.404.795.303.380

Nguồn: Báo cáo tài chính CTS giai đoạn 2019 - 2023



Biểu đồ 2.3. Số lượng và giá trị giao dịch chứng khoán của CTS giai đoạn 2019 - 2023

Nguồn: Báo cáo tài chính CTS giai đoạn 2019 - 2023

Giai đoạn 2019 - 2023, CTS liên tục gia tăng về giá trị giao dịch. Đặc biệt, năm 2023 ghi nhận số lượng giao dịch và giá trị giao dịch cao đột biến. Điều này cho thấy trong những năm gần đây, Công ty đã tập trung rất lớn vào hoạt động tự doanh và thực hiện nhiều giao dịch mua, bán chứng khoán để kiếm lợi nhuận.

Bảng 2.18: Số lượng giao dịch chứng khoán

Đơn vị: Triệu

Năm	Cổ phiếu niêm yết	Cổ phiếu chưa niêm yết	Trái phiếu niêm yết	Trái phiếu chưa niêm yết
Năm 2019	6,3	5,3	5,2	89,3
Năm 2020	14,1	11,2	6,5	108,4
Năm 2021	20,2	43,2	7,3	226,8
Năm 2022	11,6	12,3	15,5	222,3
Năm 2023	43,2	67,3	34,5	314,3

Nguồn: Báo cáo tài chính CTS giai đoạn 2019 - 2023

Danh mục giao dịch chứng khoán của CTS thay đổi theo từng giai đoạn, từng thời kỳ nhằm phục vụ mục tiêu làm sao cho danh mục cho tỷ suất sinh lời cao nhất. Có thể, trong giai đoạn này, công ty chủ yếu tập trung vào giao dịch cổ phiếu và trái phiếu

chưa niêm yết ngắn hạn. Đây cũng là những chứng khoán mang lại nhiều lợi nhuận trong công ty trong thời gian qua.

** Doanh thu và lợi nhuận hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của CTS giai đoạn 2019 - 2023*

Bảng 2.19: Doanh thu và lợi nhuận hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của CTS giai đoạn 2019 – 2023

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Lãi từ các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	Lỗ từ các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	Chênh lệch
2019	322.410	188.680	133.730
2020	399.720	249.970	149.750
2021	635.040	216.070	418.970
2022	443.630	382.820	60.810
2023	533.770	321.930	211.840

Nguồn: Báo cáo thường niên của CTS giai đoạn 2019 – 2023

Hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ Tự doanh của Công ty trong năm 2023 đã tận dụng được cơ hội thị trường và của các cổ phiếu và đã ghi nhận được kết quả ấn tượng trong năm 2023. Cụ thể, Doanh thu hoạt động mảng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành năm 2023 (Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)) đạt 533,77 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ; lợi nhuận gộp (Chênh lệch lãi lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)) đạt 221,84 tỷ đồng, tăng 248% so với cùng kỳ.

2.3.1.2. Hiệu quả

Giai đoạn 2019 – 2023, CTS luôn ghi nhận lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận biên của hoạt động đầu tư ở mức tốt. Lợi nhuận trước thuế tăng từ 220 tỷ đồng năm 2019 lên 646,6 tỷ đồng năm 2021 (tăng 2,9 lần) và 689,56 tỷ đồng năm 2023 (tăng 3,2 lần). Lợi nhuận biên có xu hướng ổn định và tăng mạnh khoảng 20% từ năm 2022 đến năm 2023.

Thực tế, năm 2023 doanh thu là 1022,1 tỷ đồng, cao hơn so với các năm 2019, 2020, 2021, 2022 nhưng chi phí năm 2022 là 389 tỷ đồng (cao nhất trong giai đoạn 2019 – 2023) vì thế, lợi nhuận biên năm 2022 tương đối thấp và giảm so với năm 2021.

Có thể thấy năm 2021, CTS vừa thành công trong giảm chi phí vừa thành công trong tăng doanh thu. Vì thế, lợi nhuận biên năm 2021 đạt mức kỷ lục lên 74,3%.

Nhìn chung, lợi nhuận biên của CTS trong giai đoạn 2018 - 2022 là cao so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường.

Trong cơ cấu doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán của CTS, dễ dàng nhận thấy vai trò quan trọng của lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, chiếm từ 60% đến gần 80% trong tổng doanh thu hoạt động đầu tư.

Ngoài ra, qua bảng báo cáo tài chính ta nhận thấy rằng giai đoạn 2019 – 2023, lãi từ bán tài sản AFS chiếm tỷ trọng rất thấp (dưới 10%) và có xu hướng giảm mạnh (năm 2018 giảm xuống còn 1,8% và năm 2019 xuống còn 1,9%). Tuy nhiên, lãi từ bán tài sản AFC tăng đến 7,1% vào năm 2023. Đây cũng là một trong những chứng khoán chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường. Thị trường lên tạo cơ hội để chốt lãi các tài sản AFS, ngược lại thị trường xuống làm giá trị các tài sản AFS giảm dẫn đến giảm doanh thu của danh mục đầu tư.

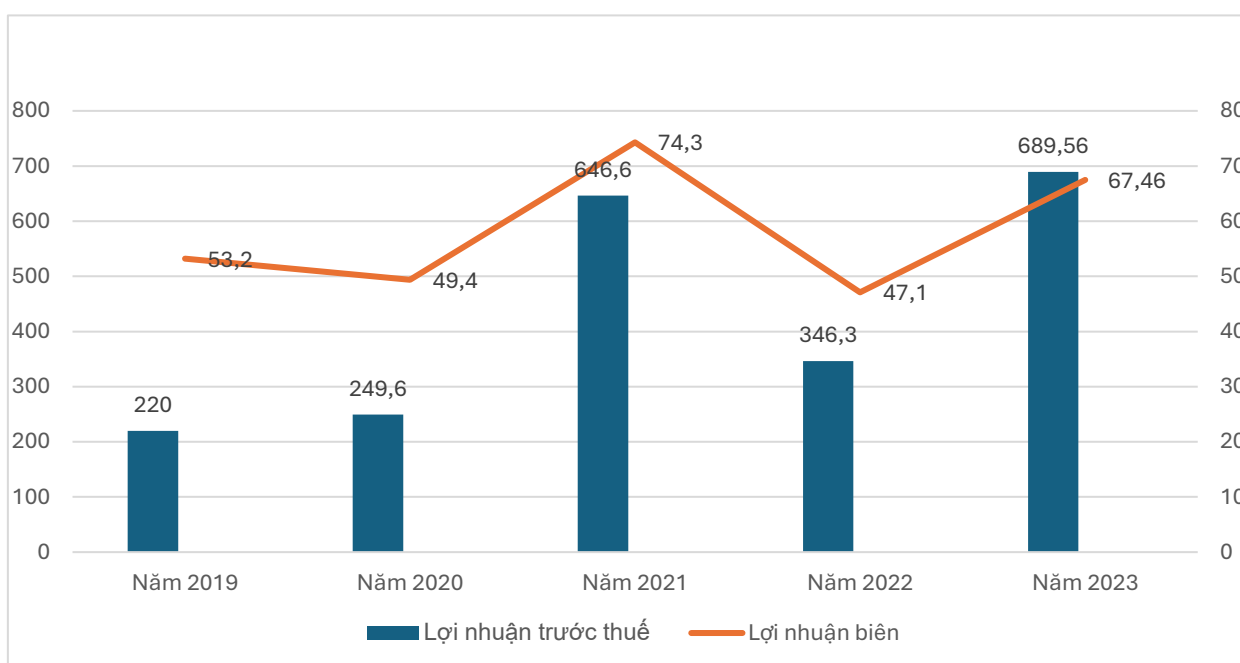
Trong cơ cấu chi phí hoạt động tự doanh của CTS, các sản phẩm tài chính FVTPL chiếm tỷ trọng rất lớn, 96,8% đến 98,4% trong giai đoạn 2019 – 2023. Trong đó, chủ yếu đến từ chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL. Chi phí hoạt động tự doanh chiếm tỷ trọng rất nhỏ, giao động khoảng 1,6% - 3,2% trong giai đoạn nghiên cứu.

Cụ thể, chi phí lớn nhất đến từ khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước. Khoản chi phí này phụ thuộc rất lớn vào thị trường chứng khoán. Chi phí này lớn cũng thể hiện danh mục chứng khoán hiện tại của công ty đang giảm hay danh mục đầu tư không đạt hiệu quả, không mang lại lợi nhuận như phương án kinh doanh. Nếu danh mục này càng lớn chứng tỏ hoạt động đầu tư của công ty đang không hiệu quả và không nắm bắt được xu hướng của thị trường. Thực tế, năm 2023 là một năm có chi phí chênh lệch giảm thấp hơn năm 2022 do thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến tích cực khi chỉ số VN-Index tăng 24% so với cuối năm 2022, đạt hơn 1255 điểm. Thị trường giảm khiến các rủi ro trên TTCK ngày càng tăng, các hoạt động bán giải chấp diễn ra càng nhiều khiến nhiều nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu bị thua lỗ nặng.

Bảng 2.20: Lợi nhuận và lợi nhuận biên của Công ty giai đoạn 2019– 2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận biên
2019	220	53,2
2020	249,6	49,4
2021	646,6	74,3
2022	346,3	47,1
2023	689,56	67,46



Biểu đồ 2.4. Lợi nhuận và lợi nhuận biên của CTS giai đoạn 2019– 2023

Bảng 2.21. Lợi nhuận và lợi nhuận biên hoạt động đầu tư chứng khoán của CTS giai đoạn 2019 - 2023

Chỉ tiêu	2019		2020		2021		2022		2023	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
Doanh thu hoạt động tự doanh	413,20	100	504,90	100	869,80	100	735,34	100	1022,1	100
Lãi từ các tài sản tài chính nghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	322,4	78,0%	399,7	79,2%	635,0	73,0%	443,64	60,3%	533,8	52,2%
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	23,5		41,4		190,3		88,14		272,9	
<i>Chênh lệch tăng về đánh lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	244,7		301,6		378,1		236,9		206,9	
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	54,2		56,7		66,6		118,6		53,9	
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	0	0,0%	14,5	2,9%	73,8	8,5%	88,5	12,0%	162,1	15,8%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	75,4	18,2%	77,4	15,3%	145,3	16,7%	189,2	25,7%	253,4	24,7%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	15,4	3,7%	13,3	2,6%	15,7	1,8%	14	1,9%	72,8	7,1%

Chi phí hoạt động tự doanh	193,2	100	255,3	100	223,2	100	389	100	332,54	100
Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL	188,6	97,6%	249,9	97,9%	216,1	96,8%	382,8	98,4%	321,9	96,8%
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	16,3		8,3		14,7		14,1		6,9	
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	158,8		240		200,1		368		314,9	
<i>Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	13,5		1,6		1,3		0,7		28,8	
Chi phí hoạt động tự doanh	4,6	2,4%	5,4	2,1%	7,1	3,2%	6,2	1,6%	10,64	3,17%
Lợi nhuận trước thuế	220,00		249,60		646,60		346,34		689,56	
Lợi nhuận biên		53,2%		49,4%		74,3%		47,1%		67,46%

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh giai đoạn 2019-2023

2.3.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, quy trình thực hiện đầu tư còn nhiều bất cập. Quy trình thực hiện đầu tư tại CTS còn thủ công, qua nhiều bước, nhiều bộ phận và phòng ban, đôi khi dẫn đến trễ thời gian và bỏ lỡ cơ hội đầu tư trên thị trường. Bên cạnh đó, các thủ tục, hồ sơ giấy tờ còn rườm rà, phức tạp, quy trình thẩm định mất nhiều thời gian. Bởi TTCK thay đổi theo từng giờ, từng ngày, các chứng khoán sẽ có biến động giá liên tục. Vì thế, chỉ chậm trễ vài phút cũng có thể bỏ qua điểm mua đẹp và dẫn đến bỏ lỡ cơ hội đầu tư, giảm hiệu quả hoạt động tự doanh.

Thứ hai, chưa đa dạng trong danh mục chứng khoán đầu tư. Danh mục đầu tư của công ty tập trung vào những mã chứng khoán phổ biến và mạnh trên thị trường, chủ yếu bao gồm cổ phiếu của các công ty lớn, cổ phiếu của các doanh nghiệp nhỏ chưa được quan tâm đúng mức. Nếu thị trường diễn ra không thuận lợi như mong muốn cộng với sự mua vào không đúng lúc sẽ làm cho công ty găm vốn làm giảm khả năng quay vòng tái đầu tư. Do đó, việc đa dạng hoá các danh mục đầu tư sẽ giúp công ty giảm thiểu các tác động tiêu cực từ việc thị trường hay mã chứng khoán nào đó biến động không tốt.

Thứ ba, chưa đạt hiệu quả đầu tư như kỳ vọng. Về kế hoạch đề ra lợi nhuận biên trước thuế của hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh vào năm 2023 tăng 80% và hiệu quả không đạt như mục tiêu. Bên cạnh đó, một nguyên tắc quan trọng khi đầu tư là phải đa dạng hóa và phân tán rủi ro bằng việc kết hợp các tài sản rủi ro và tài sản phi rủi ro. Mặc dù danh mục đầu tư khá rộng, nhưng tỉ lệ phân bổ tài sản chưa hợp lý cổ phiếu giữ vị trí áp đảo, trái phiếu tỉ lệ còn khiêm tốn. Trong khi đó, nhiều cổ phiếu vẫn giảm giá. Việc không cơ cấu danh mục kịp thời dẫn đến những khoản lỗ nặng ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả hoạt động tự doanh của công ty.

2.3.2.2. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nguồn nhân lực thiếu cả về số lượng và chất lượng. Nhân lực là yếu tố quan trọng dẫn đến thành công trong hoạt động của các doanh nghiệp và yếu tố này càng được chú trọng trong các CTCK. Mọi hoạt động của CTCK đều cần có những cán bộ không những phải có trình độ chuyên môn mà còn phải có sự nhạy bén trong nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Do những yêu cầu đặc trưng của ngành nghề như vậy mà việc bổ sung thêm cán bộ tự doanh của công ty còn rất hạn chế. Với một khối lượng công việc không nhỏ vậy mà hiện tại hoạt động tự doanh của CTCK chỉ do 8 nhân viên

đảm nhiệm dưới sự quản lý trực tiếp của trưởng phòng tự doanh. Những cán bộ tự doanh đều là những người có trình độ, năng động, nhạy bén song họ đều là những người còn khá trẻ về cả tuổi đời và tuổi nghề. Đồng thời, cho dù các cán bộ tự doanh có khả năng đến đâu thì cũng có giới hạn về sức lực, họ chỉ đảm nhận được một khối lượng công việc nhất định. Bên cạnh đó là việc thiếu nhân lực chất lượng cao là hiện tượng phổ biến ở thị trường đã phần nào gây khó khăn cho hoạt động này

Thứ hai, năng lực công nghệ thông tin còn hạn chế. Năng lực công nghệ thông tin hạn chế ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động tự doanh của công ty. Các phương án kinh doanh chủ yếu được Công ty xây dựng dựa vào các dữ liệu trên thị trường và xử lý thủ công bằng Excel. Với bộ dữ liệu lớn thu thập tuy nhiên CTS hiện chưa có công cụ nào có thể xử lý số liệu trong thời gian nhanh và chính xác. Việc xử lý số liệu bằng phương pháp thủ công dẫn đến mất thời gian, bỏ lỡ cơ hội đầu tư thâm chí dẫn đến sai sót và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư

Thứ ba, nguồn vốn đầu tư cho hoạt động tự doanh còn hạn chế, chưa đa dạng trong nguồn vốn đầu tư. Mặc dù tham gia TTCK từ những ngày đầu tiên và có bề dày kinh nghiệm, tuy nhiên quy mô vốn của CTS còn nhỏ hơn rất nhiều so với các CTCK trên thị trường như VPS, SSI, VNDirect. Nguồn vốn hiện tại của CTS chủ yếu đến từ vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối. Nguồn vốn vay để thực hiện hoạt động kinh doanh còn hạn chế. Với uy tín trên thị trường cùng với sự hậu thuẫn của Công ty mẹ là Vietinbank, CTS có khả năng huy động được nguồn vốn vay lớn hơn để phục vụ hoạt động kinh doanh. Chính vì nguồn vốn hạn chế đã khiến CTS đôi khi lỡ mất cơ hội đầu tư và làm giảm lợi thế so với các đối thủ cạnh tranh.

b. Nguyên nhân khách quan:

Môi trường pháp lý chưa hoàn chỉnh. Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam đã chính thức đi vào hoạt động từ năm 2000 nhưng đến ngày 01/01/2007. Luật chứng khoán mới có hiệu lực áp dụng và tiếp tục sửa đổi bổ sung vào năm 2010. Đây cũng là một trong những lý do khiến hàng loạt các CTCK đua nhau thành lập vào cuối năm 2006. Luật chứng khoán có hiệu lực từ 01/01/2017 song trên thực tế hành lang pháp lý cho hoạt động CTCK nói chung và hoạt động tự doanh nói riêng vẫn chưa đầy đủ và vững chắc.

Hoạt động của CTCK còn chịu sự chi phối của nhiều bộ luật (như Luật doanh nghiệp, Luật thuế...). Trong điều kiện các bộ luật đang quá trình hoàn thiện, do đó, khó khăn đối với CTCK là rất lớn. Vì vậy, đa số các CTCK đều phải tự xây dựng quy chuẩn hạn mức và điều chỉnh theo sự phát triển của công ty và thị trường.

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÔNG QUA NGHIỆP VỤ TỰ DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

3.1. Định hướng phát triển hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Thương Việt Nam đến năm 2030

3.1.1. Định hướng phát triển chung của Công ty

Đối với CTS thành công của công ty là đem lại hiệu quả tối ưu, lợi ích tốt nhất cho khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng. Nhận thức rằng một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ tập trung vào phát triển mục tiêu đơn lẻ, ngắn hạn mà không quan tâm đến tăng trưởng dài hạn đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường xã hội. Vì vậy, định hướng chiến lược trong dài hạn của Công ty chính là đảm bảo sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp song hành cùng sự phát triển của thị trường chứng khoán tài chính Việt Nam và làm sao đóng góp thiết thực nhất cho xã hội

** Định hướng chiến lược về khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, địa bàn kinh doanh*

- Tập trung phát triển thị trường tại các Trung tâm tài chính trong nước là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng..... và triển khai thác thị trường nước ngoài thông qua văn phòng đại diện hoặc hợp tác kinh doanh.

- Tập trung phát triển khách hàng tổ chức.

- Mở rộng mạng lưới: tăng số lượng các Phòng Giao dịch và tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới.

- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, giữ vững thương hiệu nhà tư vấn M&A hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam

** Định hướng chiến lược đầu tư*

- Mục tiêu chiến lược đến năm 2030: Chiến lược đầu tư tự doanh linh hoạt và phù hợp với nhu cầu triển khai kinh doanh chứng khoán phái sinh, phát hành chứng quyền có bảo đảm để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận/vốn để gia tăng cho cổ đông của công ty

** Định hướng chiến lược về vốn*

- Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, CTS sẽ nâng vốn điều lệ lên 1.800 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh
- CTS sẽ triển khai phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược.
- Cơ cấu sử dụng vốn được ưu tiên cho định hướng kinh doanh nêu trên, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới, đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp và các hoạt động hỗ trợ môi giới như margin, ứng trước, đầu tư công nghệ thông tin và các dịch vụ khác.,,

** Định hướng chiến lược về tổ chức doanh nghiệp*

- Mô hình Quản trị tập trung đối với xây dựng chiến lược phát triển & chính sách sản phẩm, dịch vụ xuyên suốt; quản trị rủi ro, nguồn nhân lực, công nghệ, thực hiện phân quyền đối với chức năng kinh doanh.
- Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ.

** Định hướng chiến lược về tài chính.*

- Phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông hiện hữu đồng thời tìm kiếm cổ đông chiến lược để nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh

3.1.2. Định hướng phát triển hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty

Trong thời gian tới CTS tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tự doanh thông qua các kế hoạch cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư thực hiện: Bằng 45% đến 65% vốn điều lệ của Công ty.
- Quan điểm và định hướng đầu tư:
 - + Chỉ đầu tư vào các doanh nghiệp có tỷ lệ ROE cao hơn so với trung bình ngành và thị trường;
 - + Chỉ đầu tư ở mức giá hợp lý, dù đó là doanh nghiệp rất hấp dẫn
 - + Chỉ chấp nhận mức độ rủi ro ở mức độ trung bình.
 - + Ưu tiên hoạt động đầu tư thông qua đấu giá khi CPH doanh nghiệp hoặc phát hành thêm;

- + Bổ sung danh mục đầu tư dài hạn
- Yêu cầu về hiệu quả đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu
- + Xây dựng được một danh mục đầu tư chuẩn và hợp lý tương ứng với mức vốn đầu tư và tình hình thị trường;
- + Mức lợi nhuận trên vốn đầu tư hàng năm tăng trưởng đều đặn và đạt mức 22% trở lên;
- Yêu cầu về nhân sự cho bộ phận đầu tư cổ phiếu
- + Có kế hoạch đào tạo cho đội ngũ tự doanh hàng năm để nâng cao trình độ, cập nhật những kiến thức, phần mềm mới nhất để phục vụ cho hoạt động tự doanh.
- + Số lượng nhân viên tự doanh sẽ được điều chỉnh cho phù hợp trong từng thời kỳ nhưng nhất thiết phải xây dựng được bộ máy ổn định bao gồm Trưởng phòng và các chuyên viên chính cho từng mảng công việc và bộ máy này được xây dựng cho chiến lược dài hạn và có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo chuyên sâu theo yêu cầu công việc được giao.
- + Có đội ngũ nhân viên tự doanh có trình độ và kinh nghiệm, được đào tạo bài bản và chuyên sâu về kiến thức đầu tư chứng khoán đặc biệt là kiến thức về Tài chính và Quản trị Tài chính doanh nghiệp, kiến thức và kinh nghiệm về xác định giá trị tài sản.

3.2. Phân tích hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Thương Việt Nam theo mô hình SWOT

Bảng 3.1: Phân tích hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của CTS theo mô hình SWOT

Điểm mạnh	Là công ty cổ phần chứng khoán lâu đời và được hậu thuẫn lớn từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam	Cơ cấu tổ chức rõ ràng đơn giản. Phòng tự doanh có kinh nghiệm và trình độ khá chuyên nghiệp, quy trình được chuẩn hóa rõ ràng	Hoạt động tự doanh liên tục tạo ra doanh thu rất lớn cho đến năm 2007.
Điểm yếu	Quy trình tự doanh còn rườm rà, máy móc, không linh hoạt Một số cơ hội đầu tư cần phải tiến hành đầu tư ngay lập tức thì thay vào đó phải trình qua nhiều phòng ban, bỏ lỡ cơ hội	Số lượng cán bộ tự doanh còn hạn chế so với khối lượng công việc và mục tiêu mở rộng hoạt động đầu tư. Hoạt động nghiên cứu và phân tích chưa nhanh chóng và chưa áp dụng các công nghệ hiện đại vào phân tích	Nguồn vốn đầu tư còn hạn chế khiến danh mục đầu tư chưa đa dạng.
Cơ hội	Thị trường đang phát triển nhanh chóng, quy mô vốn hóa thị trường ngày càng tăng và có thể chiếm tới 85% GDP vào năm 2025, đạt 110% GDP vào năm 2030	Dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài đang đổ vào Việt Nam rất nhanh chóng.	Chính sách và các chiến lược phát triển của Chính phủ giúp TTCK Việt Nam ngày càng trở nên minh bạch, đảm bảo an toàn cho các nhà đầu tư
Thách thức	TTCK ngày càng phát triển, ngày càng nhiều CTCK được thành lập với các chiến lược đầu tư phát triển mạnh mẽ.	Thị trường chứng khoán Việt Nam còn tiềm ẩn nhiều rủi ro đôi khi không định lượng được	Bộ máy lãnh đạo liên tục thay đổi có thể ảnh hưởng đến mục tiêu, chiến lược đầu tư trong dài hạn.

Nguồn: Phòng tự doanh của CTS

3.3. Giải pháp hoàn thiện hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện quy trình thực hiện đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

** Cơ sở đề xuất giải pháp*

Hoạt động đầu tư chứng khoán đã mang lại nguồn thu lớn cho CTS trong mấy năm gần đây. Mặc dù, CTS đã có quy trình cụ thể cho từng loại chứng khoán thực hiện đầu tư tuy nhiên quy trình còn thực hiện thủ công, rườm rà, qua nhiều phòng ban gây mất thời gian và bỏ lỡ cơ hội đầu tư.

** Đối tượng thực hiện giải pháp*

Phòng tự doanh và bảo lãnh phát hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

** Nội dung thực hiện giải pháp*

- Xây dựng phần mềm hệ thống chuyên biệt về hoạt động đầu tư chứng khoán. Phần mềm cập nhật các báo cáo của phòng tự doanh về các chứng khoán đang thực hiện đầu tư. Hệ thống cho phép các phòng ban liên quan theo dõi tình hình thực hiện phương án đầu tư, mức lãi, lỗ trong danh mục đầu tư chứng khoán.

- Các văn bản, báo cáo, phương án kinh doanh được thiết lập trên hệ thống phần mềm chuyên biệt và được gửi đến các phòng ban liên quan để thực hiện phương án đầu tư. Các phòng ban nhận thông tin và duyệt phương án đầu tư, báo cáo PAKD trực tiếp trên phần mềm.

- Một số chỉ tiêu đánh giá, thẩm định cũng được thiết lập và có thể đánh giá tự động trên phần mềm chuyên biệt mà cán bộ không phải thực hiện thẩm định thủ công

Bên cạnh đó, trong quy trình nên phân định rõ công việc của từng cán bộ tự doanh trong đó có sự phân công cán bộ tự doanh chuyên phụ trách về thị trường niêm yết, đăng ký giao dịch và cán bộ chuyên phụ trách về thị trường chưa niêm yết. Khi đó sẽ tiến hành phân công cán bộ tự doanh quản lý danh mục đầu tư theo ngành trên cả 2 loại thị trường.

Cần thành lập tiểu ban phân tích trực thuộc phòng tự doanh tách biệt với nhân viên đi thu thập số liệu và thực hiện các giao dịch tự doanh. Số liệu được thu thập sau đó gửi về tiểu ban này, để cán bộ trong tiểu ban xử lý, phân tích và đánh giá một cách nhanh chóng và hiệu quả.

** Kết quả dự kiến thực hiện giải pháp*

Phòng tự doanh và bảo lãnh phát hành thành lập tiểu ban phân tích trực thuộc phòng tách biệt với nhân viên đi thu thập số liệu và thực hiện các giao dịch tự doanh. Giải pháp này giúp quy trình đầu tư chứng khoán của Công ty nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, lãnh đạo phòng thuận tiện trong công tác quản lý quy trình đầu tư.

Bảng 3.2 Quy trình đầu tư chứng khoán trên hệ thống chuyên biệt



Nguồn: Đề xuất của tác giả

3.3.2. Giải pháp tăng cường vốn cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

3.3.2.1. Tăng cường nguồn vốn chủ sở hữu

** Cơ sở đề xuất giải pháp*

Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty được cấu thành từ vốn góp cổ đông, thặng dư vốn, lợi nhuận giữ lại và dự phòng tài chính. Do vậy, để tăng vốn chủ sở hữu, công ty cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn để tạo lợi nhuận giữ lại và tăng cường vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cổ đông cũ, nhà đầu tư chiến lược.

** Đối tượng thực hiện giải pháp*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

** Nội dung thực hiện giải pháp*

Hiện tại, vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2023 là 1.489.557 triệu đồng. Công ty cần tăng thêm vốn chủ sở hữu 50% so với năm 2023. Đối với vốn góp cổ đông, để nhận được sự ủng hộ của các cổ đông hiện tại Công ty cần xây dựng phương án sử dụng vốn bổ sung một cách hiệu quả. Thực hiện công khai, minh bạch các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty. Xây dựng chính sách cổ tức thu hút cổ đông. Bên cạnh việc phát hành cổ phiếu thường, công ty nên xem xét phát hành thêm cổ phiếu ưu đãi. Công ty cần thực hiện nghiên cứu thị trường để xác định mức độ quan tâm của các nhà đầu tư đối với việc phát hành thêm cổ phiếu bổ sung của công ty. Kết hợp với nhu cầu về vốn hiện tại của công ty để xác định được lượng cổ phiếu sẽ phát hành thêm một cách phù hợp.

** Kết quả dự kiến thực hiện giải pháp*

Công tác nghi00EAn cứu thị trường này giúp công ty xác định được hình thức chào bán/phát hành cổ phiếu: phát hành cho nhân viên; phát hành cho nhà đầu tư/ đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Đây là loại cổ phiếu phát hành có kèm theo một số ưu đãi nhất định, qua đó thu hút các nhà đầu tư.

3.3.2.2. Đa dạng hóa các kênh huy động vốn đầu tư

** Cơ sở đề xuất giải pháp*

Công ty cần tích cực hơn nữa trong việc huy động các nguồn vốn vay ngân hàng và các tổ chức tài chính bên cạnh việc tăng vốn chủ sở hữu, công ty cần tận dụng tối đa các nguồn vốn có thể huy động khác nhằm tạo ra sự linh hoạt về vốn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về vốn của công ty. Theo đó, công ty cần tích cực hơn nữa trong việc huy động các nguồn vốn vay ngân hàng và các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Công ty nên làm việc với nhiều ngân hàng có uy tín để thuận lợi hơn trong việc vay vốn đáp ứng nhu cầu cho hoạt động của mình.

** Đối tượng thực hiện giải pháp*

Phòng Kinh doanh vốn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

** Nội dung thực hiện giải pháp*

Hiện nay, các đối tác cho CTS vay chủ yếu là các NHTM trong nước vì thế nguồn vốn vay chủ yếu chưa lớn với chi phí tương đối cao. Vì vậy để mở rộng hoạt động đầu tư công ty có thể tìm kiếm thêm một vài đối tác đáng tin cậy khác để vay vốn nhất là đối tác nước ngoài. Vì họ có thể cho vay bằng tiền USD với khối lượng lớn và lãi suất vay thấp giúp tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp lớn trên thị trường cũng có nguồn tiền rần rỗi dư thừa, với uy tín trên thị trường tài chính, đây cũng là một kênh huy động vốn hiệu quả. Công ty cần đẩy mạnh công tác tìm kiếm, đàm phán mở rộng quan hệ với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng và định chế tài chính trong và ngoài nước.

Để huy động được các nguồn vốn lớn, công ty cần chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của tổ chức cho vay khi vay, đặc biệt là quy định về thời hạn, tạo uy tín tốt, duy trì mối quan hệ lâu dài với các tổ chức tín dụng. Và để giảm bớt gánh nặng vay nợ cần phải lên kế hoạch kỹ lưỡng về chi phí và hiệu quả dự án, đánh giá phương án hoạt động thật chi tiết, đặc biệt là khả năng thu hồi vốn và khả năng thanh toán.

** Kết quả dự kiến thực hiện giải pháp*

Công ty đã tạo dựng được niềm tin cho các tổ chức cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vay vốn của công ty. Do đó, Công ty đã thực hiện huy động vốn vay 30 triệu USD từ ngân hàng Union Bank of Taiwan, 10 triệu USD từ ngân hàng Cathay United Bank và 600 tỷ đồng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động.

3.3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

** Cơ sở đề xuất giải pháp*

Hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh đòi hỏi cường độ làm việc cao, phản ứng nhanh nhạy, vốn là lợi thế của tuổi trẻ. Do vậy, Công ty cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

** Đối tượng thực hiện giải pháp*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

** Nội dung thực hiện giải pháp*

Công ty cần thực hiện chiến lược đào tạo lâu dài bằng cách tìm kiếm các sinh viên xuất sắc ngay trong trường đại học để đào tạo họ thành lực lượng kế cận. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, các công ty nước ngoài tràn vào Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút cán bộ có năng lực, do đó tuyển dụng ngay từ trong các trường đại học sẽ giúp công ty có lực lượng cán bộ ổn định và có năng lực, tránh chảy máu chất xám.

Trong nền kinh tế hiện nay, đặc biệt là lĩnh vực chứng khoán, kiến thức, thông tin, công nghệ đổi mới liên tục. Do vậy các bên tuyển dụng cũng phải có biện pháp đào

tạo, không chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn mà cần phải đào tạo nhân viên những kỹ năng mới như nâng cao hiệu quả công việc quản lý thời gian, sử dụng phần mềm hỗ trợ. Cụ thể như sau:

- Phối hợp với trung tâm đào tạo huấn luyện, tổ chức cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn ở trong và ngoài nước.

- Mời chuyên gia nước ngoài giảng dạy, giúp cán bộ tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài. Thậm chí có thể cử cán bộ đi học nước ngoài.

- Tạo ra môi trường học tập tại công ty, khuyến khích cán bộ tự trao đổi kinh nghiệm, tự hoàn thiện kiến thức và kỹ năng ngay trong quá trình làm việc,

- Có quy định cụ thể về chính sách đào tạo. Chẳng hạn quy định về số giờ đào tạo, nâng cao nghiệp vụ mỗi cán bộ trong năm, có chế độ ưu đãi, khuyến khích cán bộ không ngừng vươn lên.

Mở các lớp đào tạo chuyên môn như:

- Lớp Phân tích và đầu tư chứng khoán
- Lớp Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp
- Lớp Quản trị rủi ro trong đầu tư

Một nội dung quan trọng khác để thúc đẩy sự phát triển đội ngũ của cán bộ tự doanh là thiết lập cơ chế lương bổng tiên tiến, đảm bảo thu nhập cho nhân viên, tương xứng với thành quả lao động của họ, nhân viên tự doanh mang lại nhiều lợi nhuận cho công ty, khuyến khích họ đóng góp nhiều hơn cho công ty. Ngoài chăm lo công tác đào tạo, công ty cần tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, xây dựng văn hóa công ty để khuyến khích sự nhiệt tình và lòng say mê công việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, đồng thời khiến họ gắn bó với công ty. Các chương trình chăm lo phúc lợi nhân viên:

- Tổ chức sinh nhật nhân viên trong tháng
- Họp sơ kết chương trình 6 tháng, 1 năm tại các địa danh nổi tiếng
- Tổ chức chương trình Trung thu, khen thưởng cho con em cán bộ công nhân viên

- Tổ chức mua hoa quà chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10

- Tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho nhân viên 6 tháng 1 lần.

** Kết quả dự kiến thực hiện giải pháp*

Giải pháp này được đề xuất giúp Công ty có các cán bộ với chuyên môn vững chắc để xây dựng Công ty một ngày vững mạnh và đạt được mục tiêu kinh doanh chứng

khoán dẫn đầu thị trường. Dự kiến có 100 nhân viên đạt thành tích cao trong chương trình kiểm tra năng lực do Công ty tổ chức

3.3.4. Giải pháp tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ cho đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh

**** Cơ sở đề xuất giải pháp:***

Cơ sở vật chất kỹ thuật và phần mềm chuyên dụng là những yếu tố hỗ trợ cho hoạt động tự doanh, đặc biệt trong hoạt động phân tích, báo cáo giao dịch và lựa chọn cơ hội đầu tư.

**** Đối tượng thực hiện giải pháp***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

**** Nội dung thực hiện giải pháp***

- Tham khảo ý kiến của các chuyên gia công nghệ thông tin và tư vấn của các công ty chuyên ngành cả trong và ngoài nước để đưa ra phương án phù hợp nhất

- Đầu tư đồng bộ cho hệ thống máy móc thiết bị và đường truyền

- Hoàn thiện hạ tầng để có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh từ công nghệ.

- Ứng dụng các phần mềm chuyên dụng để tự động thống kê số liệu (đặc biệt là số liệu giao dịch), tự động lên các báo cáo tổng hợp định kỳ.

- Nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết nối ứng dụng và mạng toàn công ty

- Sử dụng nhiều công cụ phân tích kỹ thuật và các phương pháp phân tích kỹ thuật hiện đại, tiên tiến.

- Sử dụng hệ thống công cụ tính toán và dự đoán thời gian thực

- Mua hoặc thuê các phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực phân tích, định giá và quản lý chứng khoán

- Áp dụng các công nghệ bảo mật hiện đại nhất, tránh rò rỉ mất cắp thông tin

- Xây dựng trang Web chuyên nghiệp để quảng bá hình ảnh của công ty, tạo ra thuận lợi cho hoạt động của công ty bao gồm cho cả hoạt động tự doanh của công ty.

**** Kết quả dự kiến thực hiện giải pháp***

Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin của Công ty, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển và xu thế phát triển của các Công ty chứng khoán ở Việt Nam. Công ty trích nguồn từ lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh để mời các chuyên gia đào tạo cho nhân viên phòng Công nghệ thông tin.

KẾT LUẬN

Thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển, đi kèm với nó là sự lớn mạnh về chất lượng các công ty chứng khoán. Các công ty chứng khoán đã khẳng định được vai trò là trung gian tài chính quan trọng, góp phần không nhỏ thúc đẩy hoạt động của thị trường. Nghiên cứu hoạt động của công ty chứng khoán đặc biệt là hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh đã cho thấy hoạt động này mang một ý nghĩa quan trọng đối với công ty chứng khoán. Hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh phụ thuộc nhiều vào tiềm lực tài chính, một số nhân tố chủ quan và khách quan của công ty, nhưng nó cũng tác động lại, quyết định sự phát triển bền vững của công ty.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công. Trong đó hoạt động tự doanh đóng góp một phần rất quan trọng trong những thành quả ấy. Qua việc nghiên cứu thực trạng đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh tại Công ty trong giai đoạn 2019-2023, tác giả đã chỉ ra được những thành quả đạt được, bên cạnh đó cũng chỉ ra được những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty, từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị hoàn thiện hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh của Công ty trong thời gian tới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư của Công ty.

Với những giải pháp và kiến nghị có giá trị thực tế và ứng dụng cao, cộng với đội ngũ ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm, đội ngũ nhân viên nhiệt tình năng động thì trong thời gian tới chắc chắn CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam sẽ ngày càng lớn mạnh hơn nữa, hoạt động đầu tư chứng khoán thông qua nghiệp vụ tự doanh cũng chuyên nghiệp hơn, hiện đại hơn, xứng đáng với tầm vóc của Công ty.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương Anh (2016), Sức khỏe của các Công ty chứng khoán sau 3 năm tái cấu trúc, Tạp chí Kinh tế và dự báo số 07 tháng 04/2016.
2. Nguyễn Phương Anh (2020), Đánh giá hiệu quả kinh doanh của các CTCK Việt Nam thông qua các chỉ tiêu sinh lời, Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương số 571.
3. Nguyễn Phương Anh (2020), Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận trên tài sản của các Công ty chứng khoán Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán số 11/2020 – Học viện Tài chính.
4. Báo cáo thường niên 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
5. Báo cáo tài chính 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
6. Vũ Duy Bảo (2018) Tác động của các nhân tố vĩ mô đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam kể từ sau khi gia nhập WTO.
7. Hoàng Thị Bích Hà (2018), An toàn tài chính của các CTCK Việt Nam, luận án tiến sỹ, Học viện tài chính.